

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án chuyển đổi số đối với trạm y tế xã, phường
trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2023; Luật Giao dịch điện tử năm 2023; Luật Dữ liệu năm 2024; Luật Công nghệ số năm 2025; Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025; Luật An ninh mạng năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân;

Căn cứ Chỉ thị 25-CT/TW ngày 25/10/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục củng cố, hoàn thiện, nâng cao chất lượng hoạt động của y tế cơ sở trong tình hình mới;

Căn cứ Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 06/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sức khỏe miễn phí cho người dân;

Căn cứ Chương trình hành động số 01-Ctr/TU ngày 20/10/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 -2030; Chương trình hành động số 02-Ctr/TU ngày 06/11/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hưng Yên thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân;

Căn cứ Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 30/3/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Đề án đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng hệ thống y tế tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 3664/TTr-SYT ngày 12/6/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án chuyển đổi số đối với trạm y tế xã, phường trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường và các đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./. *Thanh*

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (để báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 2;
- Chánh VP, các PVP UBND tỉnh;
- Các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX. *Thanh*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Văn Nghiêm

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐỀ ÁN
CHUYỂN ĐỔI SỐ CHO TRẠM Y TẾ XÃ, PHƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN
TỈNH HƯNG YÊN GIAI ĐOẠN 2026-2030
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 6 năm 2026
của UBND tỉnh Hưng Yên)

Hưng Yên - 2026

THUẬT NGỮ VÀ TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Tiếng Anh	Diễn giải
ATTP		An toàn thực phẩm
BAĐT		Bệnh án điện tử
BHYT		Bảo hiểm y tế
BHXH		Bảo hiểm xã hội
BV		Bệnh viện
CBCCVC		Cán bộ công chức viên chức
CCHC		Cải cách hành chính
CDS		CDS
CKI, CKII		Chuyên khoa I, II
CMCN		Cách mạng công nghiệp
CNTT		Công nghệ thông tin
CPĐT		Chính phủ điện tử
CQĐT		Chính quyền điện tử
CQS		Chính quyền số
CSDL		Cơ sở dữ liệu
CSHT		Cơ sở hạ tầng
CSKCB		Cơ sở khám chữa bệnh
CSSK		Chăm sóc sức khỏe
CSYT		Cơ sở y tế
ĐDCN/CCCD		Định danh cá nhân/Căn cước công dân
ĐTTM		Đô thị thông minh
DVCTT		Dịch vụ công trực tuyến
EMR	Electronic Medical Record	Hồ sơ bệnh án điện tử
HĐND		Hội đồng nhân dân
HIS	Health Information System	Hệ thống thông tin y tế
HTTT		Hệ thống thông tin
ICT	Information Communications Technologies	Công nghệ thông tin và truyền thông

Từ viết tắt	Tiếng Anh	Diễn giải
KCB		Khám, chữa bệnh
KHCN		Khoa học và công nghệ
KT-XH		Kinh tế - Xã hội
LGSP	Local Government Service Platform	Nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu
LIS	Laboratory Information System	Hệ thống thông tin xét nghiệm
RIS	Radiological Information System	Hệ thống thông tin chẩn đoán hình ảnh
PACs	Picture Archiving and Communication system	Hệ thống lưu trữ và truyền hình ảnh
QR	Quick Response	phản hồi nhanh
TTHC		Thủ tục hành chính
TYT		Trạm y tế
TTTT		Thông tin và Truyền thông
UBND		Ủy ban nhân dân
VBĐH		Văn bản điều hành
YTTM		Y tế thông minh
SSKĐT		Sở sức khỏe điện tử

Phần thứ nhất

SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. SỰ CẦN THIẾT

Tại Việt Nam, lĩnh vực y tế được xác định là một trong tám lĩnh vực ưu tiên hàng đầu trong Chương trình CDS quốc gia theo Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ. Việc ban hành Đề án CDS đối với TYT xã, phường trên địa bàn tỉnh Hưng Yên không chỉ phù hợp với định hướng chung của quốc gia mà còn đáp ứng yêu cầu cấp thiết trong giai đoạn hiện nay bảo đảm đồng bộ, khi nhu cầu chăm sóc sức khỏe toàn dân ngày càng cao và đòi hỏi phương thức quản lý hiện đại, chính xác, liên thông, minh bạch.

“CDS y tế” được Bộ Y tế định nghĩa tại Quyết định số 5316/QĐ-BYT ngày 22/12/2020 là ứng dụng công nghệ thông tin một cách tổng thể và toàn diện, trong đó đặc biệt chú trọng tới các công nghệ số hiện đại dẫn đến sự thay đổi tích cực toàn bộ hoạt động y tế trong chăm sóc sức khỏe.

TYT xã, phường là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, có chức năng cung cấp, thực hiện dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật thuộc các lĩnh vực: phòng bệnh; khám bệnh, chữa bệnh; quản lý, nâng cao sức khỏe cộng đồng; bảo vệ, chăm sóc bà mẹ và trẻ em; chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật; bảo trợ xã hội; dân số; an toàn thực phẩm; dược; thiết bị y tế và các dịch vụ y tế khác theo quy định của pháp luật với 22 chức năng nhiệm vụ được Bộ Y tế quy định tại Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-BYT ngày 06/02/2026

“CDS y tế tại TYT xã, phường” là ứng dụng công nghệ thông tin một cách tổng thể và toàn diện, trong đó đặc biệt chú trọng tới các công nghệ số hiện đại dẫn đến sự thay đổi tích cực toàn bộ hoạt động y tế trong việc cung cấp, thực hiện các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân trên địa bàn xã, phường.

Việc ban hành Đề án CDS đối với TYT xã, phường trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030 (sau đây gọi tắt là Đề án) là một yêu cầu mang tính tất yếu và cấp bách nhằm cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển khoa học, công nghệ và CDS quốc gia. Đặc biệt, đây là nhiệm vụ trọng tâm được Ban chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và CDS tỉnh. Đề án không chỉ hướng tới mục tiêu hiện đại hóa hạ tầng y tế mà còn hướng tới mục tiêu thiết lập một hệ sinh thái y tế số thống nhất, chuyển đổi phương thức điều hành từ hành chính thủ công sang mô hình dựa trên dữ liệu thực tế phục vụ công tác chỉ đạo, quản lý, điều hành theo đúng chỉ đạo của Ban Chỉ đạo tỉnh.

Tại tỉnh Hưng Yên, ngành y tế đã bước đầu triển khai CDS tại các bệnh viện công lập, ngoài công lập với việc triển khai các hệ thống như HIS, LIS,

EMR, PACS. Hiện nay, mặc dù các TYT xã, phường đã từng bước triển khai các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cho hoạt động chuyên môn theo chức năng nhiệm vụ tuy nhiên do nhiều nguyên nhân khách quan, chủ quan về hạ tầng phần cứng, phần mềm công nghệ thông tin, thiếu hụt về nguồn lực hạ tầng phần cứng phần mềm công nghệ thông tin, cũng như thiếu hụt nhân lực, kiến thức trong quản lý vận hành phần mềm, đặc biệt là việc thực hiện chức năng nhiệm vụ của TYT theo mô hình Chính quyền hai cấp. Các vấn đề tồn tại nêu trên khiến cho hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin (giai đoạn trước) và nay là hoạt động CDS tại TYT xã, phường diễn ra chậm, thậm chí có nguy cơ thụt lùi, có nguy cơ không theo kịp các chủ trương, chính sách của Chính phủ, Ban chỉ đạo cấp tỉnh, Bộ Y tế, gây khó khăn cho quá trình triển khai, điều hành TYT xã, phường mới theo mô hình Chính quyền hai cấp.

Trước thực tiễn đặt ra nhu cầu cấp thiết cần phải ban hành Đề án CDS đối với TYT xã, phường trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030 nhằm thực hiện đồng bộ các giải pháp về hạ tầng kỹ thuật, nhân lực triển khai CDS tại TYT xã, phường theo yêu cầu của Chính phủ, Ban chỉ đạo tỉnh, Bộ Y tế để từng bước thay đổi cơ bản phương thức, cách thức cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân từ sớm, từ xa và sẵn sàng ứng phó với các tình huống khẩn cấp về y tế công cộng trên địa bàn tỉnh.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Văn bản của Trung ương

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2023; Luật Giao dịch điện tử năm 2023; Luật Dữ liệu năm 2024; Luật Công nghệ số năm 2025; Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025; Luật An ninh mạng năm 2018;

- Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới;

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

- Chỉ thị 25-CT/TW ngày 25/10/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục củng cố, hoàn thiện, nâng cao chất lượng hoạt động của y tế cơ sở trong tình hình mới;

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và CDS quốc gia;

- Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Ban chấp hành Trung ương về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân;

- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW

ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

- Nghị quyết số 214-NQ/CP ngày 23/07/2025 của Chính phủ ban hành kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ CDS toàn diện;

- Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và CDS quốc gia;

- Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

- Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới;

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình CDS quốc gia;

- Nghị định số 356/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về bảo vệ dữ liệu cá nhân;

- Nghị định số 102/2025/NĐ-CP ngày 13/5/2025 của Chính phủ quy định quản lý dữ liệu y tế;

- Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về tổ chức chính quyền đô thị và chính quyền nông thôn;

- Nghị định số 45/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

- Quy định số 05-QĐ/BCĐTW ngày 27/8/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và CDS ban hành quy định về Mô hình liên thông số thống nhất, hiệu quả và quản trị dựa trên dữ liệu trong hệ thống chính trị;

- Quyết định số 292/QĐ-BKHCN ngày 25/03/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành khung kiến trúc Chính phủ số Việt Nam, phiên bản 4.0;

- Quyết định số 3090/QĐ-BKHCN ngày 08/10/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về ban hành Khung Kiến trúc tổng thể Quốc gia số;

- Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và CDS;

- Nghị định số 23/2025/NĐ-CP 21-02-2025 của Chính phủ quy định về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy;

- Quyết định số 2289/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến năm 2030;

- Quyết định số 127/QĐ-TTg ngày 26/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo đến năm 2030.

- Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ CDS quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030;

- Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 04/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 06/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sức khỏe miễn phí cho người dân.

2. Văn bản của Bộ Y tế

- Thông tư số 53/2014/TT-BYT ngày 29/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định điều kiện hoạt động y tế trên môi trường mạng;

- Thông tư số 49/2017/T-BYT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định hoạt động y tế từ xa;

- Thông tư số 54/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành bộ tiêu chí ứng dụng CNTT tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

- Thông tư số 13/2025/TT-BYT của Bộ Y tế 06/6/2025 về hướng dẫn triển khai hồ sơ bệnh án điện tử;

- Thông tư số 23/2025/TT-BYT ngày 28/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về chế độ báo cáo thống kê ngành y tế;

- Thông tư số 06/VBHN-BYT ngày 06/02/2026 của Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của TYT xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Quyết định số 5004/QĐ-BYT ngày 19/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt mô hình kiến trúc tổng thể hệ thống thông tin khám chữa bệnh bảo hiểm y tế;

- Quyết định số 831/QĐ-BYT ngày 11/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành mẫu hồ sơ quản lý sức khỏe cá nhân phục vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu;

- Quyết định số 5349/QĐ-BYT ngày 12/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt Kế hoạch triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử;

- Quyết định số 2628/QĐ-BYT ngày 22/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt Đề án “Khám, chữa bệnh từ xa” giai đoạn 2020-2025;

- Quyết định số 3532/QĐ-BYT ngày 12/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về xây dựng và triển khai Hệ thống thông tin quản lý TYT xã, phường, thị trấn;
- Quyết định số 5237/QĐ-BYT ngày 16/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành danh mục dịch vụ áp dụng tạm thời trong tư vấn khám, chữa bệnh, hội chẩn từ xa;
- Quyết định số 5316/QĐ-BYT ngày 22/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt Chương trình CDS y tế đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.
- Quyết định số 682/QĐ-BYT ngày 28/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu LGSP của Bộ Y tế;
- Quyết định số 2955/QĐ-BYT ngày 28/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt Kế hoạch thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số y tế thực hiện Chương trình CDS quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 823/QĐ-BYT ngày 15/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt Kế hoạch triển khai nền tảng hỗ trợ tư vấn khám chữa bệnh từ xa năm 2023;
- Quyết định số 326/QĐ-BYT ngày 07/02/2024 ban hành quy chế bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng của Bộ Y tế;
- Quyết định số 1272/QĐ-BYT ngày 06/5/2026 của Bộ Y tế ngày 06/5/2026 phê duyệt kế hoạch triển khai nhiệm vụ khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí ít nhất mỗi năm một lần cho người dân.

3. Văn bản của tỉnh Hưng Yên

- Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 15/6/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Chương trình CDS tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030;
- Chương trình hành động số 02-CTr/TU ngày 06/11/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân;
- Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 30/3/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Đề án đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng hệ thống y tế tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045;
- Quyết định số 719/QĐ-UBND ngày 27/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chương trình phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và CDS tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2045;
- Quyết định số 2352/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Khung kiến trúc số tỉnh Hưng Yên;

- Quyết định số 1398/QĐ-UBND ngày 24/4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Danh mục nhiệm vụ thực hiện CDS tỉnh Hưng Yên năm 2026;

- Kế hoạch số 155/KH-UBND ngày 29/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện CDS năm 2026;

- Kế hoạch số 102/KH-UBND ngày 19/5/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và CDS quốc gia;

- Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 06/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Thực hiện Nghị quyết số 282/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân; Chương trình hành động số 02- CTr/TU ngày 06/11/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị;

- Kế hoạch số 125/KH-BCĐ ngày 10/4/2026 của Ban Chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, CDS và Đề án 06 về hoạt động năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, CDS và Đề án 06;

- Thông báo số 11-TB/BCĐ ngày 18/3/2026 của Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và CDS về Kết luận của đồng chí Nguyễn Hữu Nghĩa, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng ban Chỉ đạo tỉnh tại Hội nghị Quý I năm 2026 của Ban chỉ đạo tỉnh;

- Kế hoạch 158/KH-UBND ngày 09/5/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 30/3/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Đề án đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng hệ thống y tế tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

III. CƠ SỞ THỰC TIỄN

Hệ thống y tế tỉnh Hưng Yên được tổ chức đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở, có sự tham gia của cả khu vực công lập và tư nhân, nguồn nhân lực ngày càng được nâng cao và đóng vai trò quan trọng trong việc chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân, bảo đảm cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu và khám chữa bệnh cho người dân.

- Tuyến tỉnh: 03 Bệnh viện đa khoa; 14 bệnh viện chuyên khoa; 04 trung tâm và 02 chi cục chuyên ngành trực thuộc Sở Y tế.

- Bệnh viện đa khoa khu vực: gồm 20 bệnh viện.

- Tuyên xã, phường gồm: 104 TYT xã, phường đảm nhiệm chăm sóc sức khỏe ban đầu cho cộng đồng.

Hệ thống này giúp bảo đảm dịch vụ y tế phủ rộng toàn tỉnh, tạo điều kiện để người dân tiếp cận dịch vụ khám chữa bệnh thuận lợi.

Ngoài hệ thống y tế công lập, tỉnh Hưng Yên còn có mạng lưới y tế tư nhân khá phát triển: 16 bệnh viện tư nhân; 1.406 cơ sở khám chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa. Sự phát triển của y dược tư nhân góp phần đa dạng hóa dịch vụ y tế và giảm tải cho các bệnh viện công lập.

Nhân lực y tế và năng lực hệ thống ngày càng được nâng cao: Toàn ngành có hơn 10.160 cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong lĩnh vực y tế. Tỷ lệ bác sĩ đạt 12,1 bác sĩ/vạn dân, tăng so với những năm trước. Điều này cho thấy năng lực chuyên môn của mạng lưới y tế ngày càng được cải thiện.

Hệ thống TYT xã, phường theo mô hình Chính quyền 02 cấp từng bước được củng cố và từng bước thực hiện 22 chức năng nhiệm vụ gồm:

1. Phòng bệnh và nâng cao sức khỏe cộng đồng:
2. Khám bệnh, chữa bệnh:
3. Bảo vệ, chăm sóc bà mẹ và trẻ em, chăm sóc sức khỏe sinh sản:
4. An toàn thực phẩm:
5. Dân số:
6. Bảo trợ xã hội:
7. Quản lý, cung ứng thuốc, vắc xin, hóa chất, thiết bị y tế:
8. Truyền thông, giáo dục sức khỏe:
9. Thực hiện lập, quản lý hồ sơ quản lý sức khỏe cá nhân trên địa bàn theo quy định của pháp luật.
10. Triển khai các gói dịch vụ y tế cơ bản theo quy định của pháp luật.
11. Thực hiện các hoạt động trong phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa và đáp ứng tình trạng khẩn cấp về y tế.
12. Phối hợp, hỗ trợ về chuyên môn y tế đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức trên địa bàn; hướng dẫn về chuyên môn, hoạt động đối với đội ngũ nhân viên y tế thôn, tổ dân phố, cô đỡ thôn, bản, cộng tác viên dân số, cộng tác viên bảo vệ trẻ em và cộng tác viên công tác xã hội trên địa bàn.
13. Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực y tế:
14. Tham gia các dự án, chương trình thuộc lĩnh vực y tế theo quy định của cấp có thẩm quyền; thực hiện kết hợp quân - dân y theo đặc điểm, tình hình thực tế và theo quy định của pháp luật.

15. Thực hiện ký hợp đồng với cơ quan bảo hiểm xã hội để tổ chức khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế tại TYT xã, phường theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế.

16. Thực hiện các nhiệm vụ về quản lý chất lượng; nghiên cứu và tham gia nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; ứng dụng phát triển khoa học kỹ thuật trong hoạt động chuyên môn; hợp tác quốc tế theo tình hình thực tế và theo quy định của pháp luật.

17. Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo; xây dựng, tổng hợp, cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu về y tế theo quy định của pháp luật.

18. Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử; xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật cơ sở dữ liệu, CDS phục vụ hoạt động chuyên môn thuộc lĩnh vực y tế theo quy định của pháp luật.

19. Thực hiện việc mua, tiếp nhận, cung ứng, quản lý, bảo quản, cấp phát, sử dụng hàng hóa phục vụ hoạt động chuyên môn và hoạt động thường xuyên của TYT xã, phường.

20. Quản lý cơ sở vật chất, tài sản, thiết bị, nhân lực, tài chính và các nguồn lực khác được giao theo quy định của pháp luật.

21. Tham gia kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật, các quy định chuyên môn về lĩnh vực y tế theo quy định của pháp luật.

22. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do cấp có thẩm quyền giao theo quy định của pháp luật.

Trạm Y tế xã, phường là y tế nòng cốt tại địa phương kiểm soát được dịch bệnh và người dân được tiếp cận dịch vụ y tế ngay tại địa phương.

Thực tiễn từ hoạt động của mạng lưới y tế: Hàng năm, ngành y tế thực hiện hàng triệu lượt khám chữa bệnh cho người dân; Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt trên 95% dân số; Công tác phòng chống dịch bệnh và y tế dự phòng được triển khai đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở.

Những kết quả này chứng minh hiệu quả hoạt động của mạng lưới y tế trên địa bàn tỉnh.

IV. ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI GIAN ÁP DỤNG CỦA ĐỀ ÁN

1. Đối tượng

- Sở Y tế tỉnh Hưng Yên, các đơn vị y tế trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.
- TYT xã, phường; Ủy ban nhân dân xã, phường.
- Các cơ quan, đơn vị liên quan.
- Người dân sử dụng dịch vụ y tế tại các TYT xã, phường trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

2. Thời gian: Từ năm 2026 đến 2030.

Phần thứ hai
THỰC TRẠNG TYT XÃ, PHƯỜNG
I. THỰC TRẠNG TYT XÃ, PHƯỜNG CỦA TỈNH HUNG YÊN
SAU SÁP NHẬP

1. Về tổ chức bộ máy, cơ chế hoạt động:

Trên địa bàn tỉnh Hưng Yên có 104 TYT xã, phường trực thuộc UBND xã, phường; 100% TYT đã có quyết định thành lập và quy định chức năng nhiệm vụ; bước đầu đã hình thành và đang kiện toàn mô hình tổ chức theo các thông tư hướng dẫn của Bộ Y tế.

Các TYT bảo đảm hoạt động công tác chuyên môn, đồng thời đang bước hoàn thiện cơ cấu tổ chức và vị trí việc làm.

2. Tình hình về nhân sự:

Tổng số nhân lực hiện có của 104 TYT: 3.019 người. Trong đó: 486 Bác sĩ; 436 Dược sĩ; 625 Điều dưỡng; 313 Nữ hộ sinh; 79 Y tế Công cộng; 1020 nhân lực khác. Trung bình: 29,03 người/TYT. *Chi tiết tại phụ lục khảo sát nhân sự.*

- TYT có nhân lực trên 40 người: 12 TYT.
- TYT có nhỏ nhất dưới 20 người: 09 TYT (từ 14- 15 người).

* **Nhân lực Bác sĩ:** Nhìn chung 104/104 TYT xã, phường có bác sĩ định biên. Tuy nhiên lượng phân bố không đồng đều, cụ thể:

- TYT có 05 Bác sĩ trở lên: gồm 14 TYT.
- TYT có từ 01 - 02 bác sĩ: gồm 14 TYT

* **Nhân lực Dược sĩ:**

- TYT có từ 6 Dược sĩ trở lên: 16 TYT.
- TYT có dưới 02 Dược sĩ: 03 TYT.

* **Nhân lực Điều dưỡng:**

- TYT có trên 10 – 20 Điều dưỡng: 28 TYT.
- TYT có dưới 03 Điều dưỡng: 27 TYT.
- TYT không có điều dưỡng: 11 TYT

* **Nhân lực nữ hộ sinh:**

- TYT có từ 5 - 10 hộ sinh trở lên: 14 TYT.
- TYT có dưới 02 nữ hộ sinh: 13 TYT.
- TYT không có nữ hộ sinh: 02 TYT.

* **Nhân lực Y tế công cộng:**

- TYT có từ 2 Y tế công cộng trở lên: 16 TYT.
- Các TYT còn lại hầu hết ko có nhân lực y tế công cộng, một số TYT có 01 y tế công cộng.

3. Tình hình diện tích của TYT:

Diện tích đất thực tế của một số TYT xã, phường:

- Phổ Hiến diện tích thực tế tại thời điểm khảo sát: 5.463 m².
- Mỹ Hảo diện tích thực tế tại thời điểm khảo sát: 1.212 m².
- Yên Mỹ diện tích thực tế tại thời điểm khảo sát: 3.600 m².
- Như Quỳnh (diện tích thực tế tại thời điểm khảo sát: 2.040 m².
- Thái Bình diện tích thực tế tại thời điểm khảo sát: 2.490 m².
- Trần Lãm diện tích thực tế tại thời điểm khảo sát: 1.608 m².
- Tây Thụy Anh diện tích thực tế tại thời điểm khảo sát: 2.800 m².

4. Về thiết bị y tế:

Theo quy định tại Thông tư số 28/2020/TT-BYT ngày 31/12/2020 của Bộ Y tế quy định danh mục trang thiết bị tối thiểu tại TYT tuyến xã, bao gồm: 68 thiết bị (*KCB: 8 thiết bị; Sơ cấp cứu 8 thiết bị; Tiêm, tiêm thủ thuật và tiêm chủng mở rộng: 11 thiết bị; Y dược cổ truyền: 3 thiết bị; Sản, KHHGD: 12 thiết bị; xét nghiệm 2 thiết bị; tiết trùng: 2 thiết bị; khu vực lưu bệnh nhân: 1 thiết bị; khám phụ khoa: 3 thiết bị; khác: 18 thiết bị,...*). TYT cơ bản được trang bị đáp ứng quy định tối thiểu về thiết bị theo quy định Thông tư số 28/2020/TT-BYT ngày 31/12/2020 của Bộ Y tế.

II. HOẠT ĐỘNG CDS TYT XÃ, PHƯỜNG TẠI VIỆT NAM

Ở Việt Nam, tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình CDS quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đã xác định 08 lĩnh vực cần ưu tiên CDS trong đó y tế và giáo dục được xếp ở vị trí đầu tiên. Đây là 02 lĩnh vực liên quan đến nhiều người dân nhất, độ bao phủ rộng khắp nhất, tiêu tốn nhiều ngân sách nhất, là 2 lĩnh vực nền tảng của một quốc gia phát triển. Vì vậy nếu triển khai CDS hai lĩnh vực nêu trên, đặc biệt là lĩnh vực y tế sẽ phát huy hiệu quả cao nhất.

Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Y tế, các địa phương triển khai các nhiệm vụ, giải pháp nhằm đổi mới nâng cao hiệu quả hoạt động của TYT xã, phường trong đó có nhiệm vụ thực hiện tin học hóa các hoạt động của y tế cơ sở và quản lý hồ sơ theo dõi sức khỏe của từng người dân. Đồng bộ và kết nối hệ thống thông tin giữa y tế xã, phường với y tế tuyến khu vực để theo dõi, quản lý sức khỏe người dân trên địa bàn; xây dựng và triển khai thực hiện bệnh án điện tử; quản lý hoạt động khám, chữa bệnh và chi phí khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế tại các cơ sở y tế xã, phường.

Chương trình hành động số 1379/CTr-BYT ngày 19/12/2017 của Bộ Y tế đã xác định việc ứng dụng công nghệ thông tin tại các TYT xã, phường bao gồm các nhiệm vụ như:

Một là, xây dựng lộ trình ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, gắn việc quản lý các hoạt động chuyên môn với quản lý hồ sơ sức khỏe cá nhân.

Hai là, triển khai thống nhất 01 phần mềm quản lý hoạt động của TYT xã, phường, kết nối với bệnh viện tuyến trên, đồng bộ giữa (1) Hệ thống công nghệ thông tin quản lý hoạt động TYT xã, phường; (2) quản lý tiêm chủng; (3) Quản lý hồ sơ sức khỏe người dân gắn với hệ thống quản lý thẻ bảo hiểm y tế và thanh toán BHYT của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

Ba là, từng bước tích hợp cơ sở dữ liệu, thông tin y tế, tích hợp các phần mềm đơn lẻ vào một phần mềm duy nhất để quản lý hoạt động của TYT xã, phường. Rà soát, sửa đổi các quy định về sổ sách, mẫu báo cáo, tăng cường ứng dụng và thực hiện báo cáo trực tuyến bằng ứng dụng công nghệ thông tin. Tiến tới bỏ các loại sổ sách ghi chép thống kê y tế, báo cáo.

Tại Việt Nam, quá trình phát triển y tế thông minh đang được thúc đẩy mạnh mẽ trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, với việc kế thừa và ứng dụng các thành tựu của công nghệ hiện đại. Nhà nước đã và đang từng bước xây dựng hệ thống cơ chế, chính sách toàn diện nhằm tạo nền tảng cho CDS ngành y tế, trong đó nhấn mạnh vai trò của công nghệ thông tin, đổi mới sáng tạo và hội nhập quốc tế. Các chính sách hiện hành có thể chia thành ba nhóm chính:

- Nhóm chính sách nền tảng về công nghệ thông tin và CDS: Tập trung xây dựng môi trường pháp lý thúc đẩy ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, và các công nghệ số vào hiện đại hóa hệ thống y tế, nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe.

- Nhóm chính sách chiến lược quốc gia về CDS: Ngành y tế được xác định là một trong tám lĩnh vực ưu tiên cần chuyển đổi mạnh mẽ, hướng đến xây dựng mô hình y tế thông minh với các dịch vụ số hóa, kết nối và cá thể hóa.

- Nhóm chính sách chuyên ngành trong lĩnh vực y tế: Nhằm cụ thể hóa mục tiêu CDS toàn diện y tế đến năm 2030. Trọng tâm của nhóm chính sách này là phát triển các trụ cột gồm: y tế thông minh, hồ sơ sức khỏe điện tử, bệnh viện thông minh, hệ thống quản trị điều hành số và nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe.

Tổng thể, 03 nhóm chính sách nêu trên đã góp phần quan trọng trong việc kiến tạo hành lang pháp lý và động lực thúc đẩy y tế thông minh tại Việt Nam. Bộ Y tế đã xây dựng lộ trình cho ngành Y tế từng bước chuyển đổi từ mô hình truyền thống sang mô hình số hóa, hướng đến phòng bệnh chủ động, quản lý sức khỏe toàn dân, cung cấp dịch vụ y tế chính xác, cá thể hóa, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.

Bộ Y tế đã triển khai 100% cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên toàn quốc đã kết nối liên thông với hệ thống giám định của Bảo hiểm xã hội Việt Nam; 100% cơ sở khám chữa bệnh đã triển khai hệ thống thông tin bệnh viện (HIS); 34/34

tỉnh thành đã triển khai kê đơn thuốc điện tử, duy trì Công khai y tế, Công khai giá các thiết bị y tế 100% các thông tin về giá thuốc, giá thiết bị y tế, giá vật tư y tế, giá sinh phẩm chẩn đoán, giá khám chữa bệnh, giá niêm yết, giá đầu thầu, thông tin về các sản phẩm đang lưu hành hoặc đã được thu hồi, kết quả xử lý thủ tục hành chính, những vi phạm trong quảng cáo... được công khai trên cổng; 100% các cơ sở y tế triển khai thanh toán không dùng tiền mặt; nhiều cơ sở y tế đã triển khai đăng ký, tư vấn khám và khám chữa bệnh từ xa; triển khai báo cáo thống kê trên hệ thống phần mềm Thông kê y tế của Bộ Y tế.

Bên cạnh đó Bộ Y tế đang triển khai nhiều hệ thống thông tin lớn như mạng kết nối y tế Việt Nam, hệ thống PACS-cloud, ứng dụng đăng ký khám chữa bệnh trực tuyến và nhiều ứng dụng thiết thực khác, triển khai Hệ thống Cơ sở dữ liệu Dược quốc gia, kết nối liên thông cơ sở dữ liệu cung ứng thuốc trên toàn quốc; triển khai hệ thống tiêm chủng quốc gia... hướng tới CDS toàn diện ngành y tế.

Về việc xây dựng hồ sơ sức khỏe điện tử, Bộ Y tế đã ban hành Kế hoạch 5349/QĐ-BYT ngày 12/11/2019, theo kế hoạch này, nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã bước đầu triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử quản lý sức khỏe người dân liên tục, suốt đời như tỉnh Bắc Ninh, Phú Thọ...

Về việc ứng dụng công nghệ thông tin tại y tế cơ sở, xây dựng phần mềm quản lý TYT xã, phường thống nhất theo quyết định số 3532/QĐ-BYT ngày 12/08/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế, bước đầu đã hình thành nền tảng quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu y tế V20. Bộ Y tế và các địa phương đã và đang thể hiện mức độ sẵn sàng rất cao về mặt chiến lược, thể chế và hành động cụ thể để phát triển y tế thông minh đặc biệt là tại TYT tuyến xã, phường. Việc ban hành và cập nhật các khung kiến trúc chính phủ điện tử/số cho thấy sự chủ động, thích ứng nhanh và bám sát định hướng CDS quốc gia, tạo nền tảng vững chắc để hiện thực hóa mô hình y tế thông minh trong thời gian tới.

III. THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG CDS TYT XÃ, PHƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HƯNG YÊN

1. Về hạ tầng công nghệ thông tin

Các TYT sau sáp nhập cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin còn nghèo nàn, thiếu nhiều so với tiêu chuẩn, định mức tại Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg ngày 14/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị và Quyết định 10/2026/QĐ-TTg ngày 09/3/2026 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg ngày 14/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị. Các Máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh; Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung; Máy móc, thiết bị chuyên dùng của cán bộ TYT đều chưa đáp ứng.

Tổng hợp thực trạng hạ tầng theo các tiêu chí đo lường (số liệu từ khảo sát 104 TYT): (i) Số TYT đã/chưa đủ máy tính theo định mức; (ii) Số TYT có đường truyền Internet ổn định/chưa ổn định; (iii) Số TYT có cán bộ được đào tạo CNTT/chưa có; (iv) Số TYT triển khai được V20 đầy đủ phân hệ/mới một phần.

STT	Chỉ tiêu / Hạng mục	Hiện có	Cần có / Đề xuất	Còn thiếu	Ghi chú
I. MÁY TÍNH (TCĐM: 1 máy / chức danh)					
1	Tổng máy tính đang sử dụng	769 máy	2.801 máy	2.109 máy	
	Tỷ lệ đáp ứng: 27,5% – chỉ đạt gần 1/4 so với định mức				
2	TYT đủ TCĐM	2 TYT (1,9%)	104 TYT	102 TYT	
3	TYT còn thiếu máy tính	102 TYT	—	2.109 máy	
II. MÁY IN (TCĐM: 1 máy / 3 chức danh)					
4	TYT đủ máy in theo TCĐM	15 TYT (14,4%)	104 TYT	—	
5	TYT còn thiếu máy in	89 TYT (85,6%)	—	495 máy	
III. MÁY SCAN (TCĐM: 1 máy / 15 chức danh)					
6	TYT đã có máy scan	~30 TYT	104 TYT	~74 TYT	
	Phần lớn TYT chưa có máy scan – ảnh hưởng đến số hóa hồ sơ giấy				
IV. MÁY QUÉT QR / CCCD					
7	TYT đã có ít nhất 1 máy quét QR	104 TYT (100%)	104 TYT	—	
8	Số máy cần bổ sung thêm (điểm phụ)	—	+181 máy	181 máy	
V. ĐƯỜNG TRUYỀN INTERNET					
9	Đường truyền ổn định	84 TYT (80,8%)	104 TYT	20 TYT	
10	Đường truyền không ổn định	12 TYT (11,5%)	0 TYT	12 TYT	
11	TYT dùng ≥ 2 đường truyền (chi phí cao)	44 TYT (42,3%)	—	—	
12	Gói ≤ 200.000đ/tháng (< 50 Mbps)	66 TYT (66,0%)	0 TYT	66 TYT	
	Tốc độ < 50 Mbps không đủ vận hành đồng thời nhiều phần mềm y tế số				

STT	Chỉ tiêu / Hạng mục	Hiện có	Cần có / Đề xuất	Còn thiếu	Ghi chú
13	Gói 200.001 – 500.000đ/tháng	31 TYT (31,0%)	—	—	
14	Gói > 500.000đ/tháng (đạt yêu cầu)	4 TYT (4,0%)	104 TYT	100 TYT	
15	Cước TB hiện tại / tháng	245.000đ	≥ 500.000đ	Tăng ~462.000đ	
Cần nâng cước trung bình +189% – từ 245.000đ lên 707.000đ/TYT/tháng					
VI. THIẾT BỊ MẠNG NỘI BỘ (SWITCH / WIFI)					
16	TYT chưa có switch	12 TYT (11,5%)	104 TYT	12 TYT	
17	Tổng switch hiện có	175 cái	444 cái	269 cái	
VII. TỔNG HỢP KHOẢNG CÁCH SO VỚI YÊU CẦU ĐỀ ÁN					
18	Máy tính	769 máy	2.801 máy	2.109 máy	
19	Máy in	~560 máy	~1.055 máy	~495 máy	
20	Máy quét QR/CCCD (bổ sung)	—	+181 máy	181 máy	
21	Switch mạng nội bộ	175 cái	444 cái	269 cái	
22	Băng thông Internet ≥ 500 Mbps	4 TYT (3,8%)	104 TYT	100 TYT	

(Chi tiết tại Phụ lục I - Hiện trạng khảo sát)

Trước khi sáp nhập 104/104 TYT xã, phường trên địa bàn tỉnh Hưng Yên sử dụng phần mềm quản lý TYT xã, phường do VIETTEL và VNPT cung cấp theo chỉ đạo của Bộ Y tế tại Công văn số 5999/BYT-VPB1 ngày 03/11/2020, tuy nhiên vì nhiều nguyên nhân khách quan, dẫn đến phần mềm quản lý TYT xã, phường chỉ đáp ứng một phần cơ bản đối với các phân hệ, chức năng, dữ liệu hệ thống quản lý thông tin TYT xã, phường chưa đáp ứng yêu cầu liên thông dữ liệu. Điều này dẫn đến các TYT chưa có điều kiện thực hiện đầy đủ các phân hệ, chức năng theo chỉ đạo của Bộ Y tế, nhiều TYT phải sử dụng nhiều phần mềm rời rạc, riêng lẻ được triển khai từ trước khi nền tảng V20 của Bộ Y tế đi vào hoạt động, nhiều TYT sử dụng sổ sách viết tay để thực hiện quản lý, báo cáo đối với những phân hệ, chức năng còn thiếu ở phần mềm quản lý thông tin TYT xã, phường rút gọn.

2. Về nhân sự

Tổng số nhân lực hiện có của 104 TYT: 3.019 người. Trong đó: 486 Bác sĩ; 436 Dược sĩ; 625 Điều dưỡng; 313 Nữ hộ sinh; 79 Y tế Công cộng; 1.020 nhân lực khác. Trung bình: 29,03 người/TYT. Tuy nhiên các TYT đều không có cán bộ công nghệ thông tin. Do vậy, việc triển khai, vận hành công tác CDS gặp nhiều khó khăn.

3. Thực trạng sử dụng các ứng dụng số chuyên ngành y tế tại TYT xã, phường

Hiện nay, các TYT xã, phường đang sử dụng nhiều phần mềm chuyên ngành rời rạc gồm: phần mềm quản lý TYT (V20), phần mềm quản lý tiêm chủng, phần mềm BHYT, phần mềm báo cáo thống kê. Đánh giá mức độ triển khai: nhiều phân hệ chưa được triển khai đầy đủ, việc nhập liệu trùng lặp và các hệ thống không liên thông với nhau gây khó khăn trong quản lý, báo cáo và chăm sóc sức khỏe người dân.

4. Công tác chỉ đạo triển khai

Theo Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới đã nêu rõ: *“Đổi mới mạnh mẽ cơ chế và phương thức hoạt động của y tế cấp xã để thực hiện vai trò là tuyến đầu trong phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe. Triển khai đồng bộ hệ thống công nghệ thông tin trong quản lý TYT, tiêm chủng, quản lý bệnh tật, hồ sơ sức khỏe người dân gắn với quản lý thẻ, thanh toán bảo hiểm y tế.”*. Triển khai đồng bộ hệ thống công nghệ thông tin trong hoạt động của y tế cơ sở; đẩy mạnh CDS, tăng cường kết nối giữa y tế cơ sở với y tế tuyến trên và người dân trong tư vấn, khám bệnh, chữa bệnh từ xa; thống kê, quản lý dữ liệu về y tế cơ sở thống nhất với hệ thống y tế trong cả nước.

Ngành Y tế Hưng Yên đã tích cực triển khai các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin theo chỉ đạo của Bộ Y tế và Ủy ban nhân dân tỉnh, một số ứng dụng CDS lĩnh vực y tế đã được triển khai thực hiện và đã đạt được kết quả khả quan như bệnh án điện tử, giao ban trực tuyến, hệ thống truyền tải hình ảnh (PACS), hệ thống kết nối xét nghiệm (LIS),...

Hiện nay, CDS tại TYT xã, phường đã từng bước được triển khai đã đặt nền móng xây dựng nền y tế thông minh với ba trụ cột chính là phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe thông minh; khám, chữa bệnh thông minh và quản lý y tế thông minh. Người dân bước đầu được hưởng lợi từ các thành tựu công nghệ thông tin trong hoạt động y tế.

Bên cạnh những ưu điểm đã đạt được về hoạt động CDS, mặc dù ngành Y tế Hưng Yên đã có nhiều giải pháp nâng cao chất lượng khám chữa bệnh tại các TYT xã, phường, song trước những khó khăn về nguồn nhân lực, nguồn vật lực, nguồn kinh phí, ... hoạt động CDS tại các TYT xã vẫn còn nhiều

hạn chế, cụ thể như:

- Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin tại các TYT xã, phường của tỉnh Hưng Yên còn thiếu và chưa đồng bộ như máy tính có cấu hình thấp, ổ dữ liệu trang bị kèm theo máy hầu hết chỉ là ổ Hard Disk Drive viết tắt là ổ HDD có tốc độ xử lý dữ liệu rất chậm so với xu thế sử dụng ổ Solid-State Drive viết tắt là ổ SSD. Ổ SSD chứa bộ nhớ flash điện tĩnh, bao gồm một loạt các mạch tích hợp để lưu trữ và truy xuất dữ liệu nhanh hơn ổ HDD nhiều lần, giúp các ứng dụng chạy nhanh hơn giảm thời gian chờ đợi, tăng hiệu suất xử lý công việc.

Hiện nay việc khám chữa bệnh bảo hiểm y tế tại TYT xã, phường có sự tương tác đơn thuần là tiếp nhận, kiểm tra thông tin bệnh nhân thông qua đối chứng thẻ bảo hiểm y tế và căn cước công dân khiến người dân mất nhiều thời gian chờ đợi, quy trình xử lý còn mang tính thủ công, trong khi đó tại các bệnh viện hầu hết đã chuyển sang sử dụng đầu đọc mã vạch đa chiều 2D để quét mã bảo hiểm y tế, ngoài ra còn có thể đọc mã vạch QR CODE, khai báo y tế,... Trước sự hạn chế nêu trên, nhóm nghiên cứu xác định vấn đề ưu tiên cần trang bị tối thiểu 01 đầu đọc mã vạch cố định sử dụng tại TYT xã, phường để nâng cao chất lượng phục vụ bệnh nhân đến khám chữa bệnh bảo hiểm y tế.

RAM được viết tắt từ Random Access Memory - một trong những yếu tố hết sức quan trọng bên cạnh vi xử lý. RAM là bộ nhớ tạm của máy giúp lưu trữ thông tin hiện hành để CPU có thể truy xuất và xử lý. Bộ nhớ của RAM thấp hơn bộ nhớ của ổ cứng khá nhiều, tuy nhiên RAM lại là nơi để CPU lấy dữ liệu để xử lý nên tốc độ ghi và đọc trong RAM rất nhanh. RAM đóng vai trò quyết định đối với khả năng thực thi đa nhiệm của máy tính. Qua khảo sát đánh giá hằng năm, hầu hết máy tính sử dụng tại TYT có RAM dung lượng thấp chỉ bảo đảm việc truy cập trang Internet một cách bình thường sẽ không đáp ứng nhu cầu truy xuất cùng lúc nhiều phần mềm, ứng dụng lĩnh vực y tế, đặc biệt đối với những phần mềm có nhiều phân hệ, chức năng, dữ liệu lớn tại TYT xã, phường. Từ căn cứ khoa học nêu trên khẳng định việc nâng cấp dung lượng RAM cho các máy tính hiện tại đang sử dụng là hết sức cần thiết giúp tăng khả năng thao tác của cán bộ TYT xã, phường thực thi đa nhiệm nhiều phân hệ, chức năng trong một thời điểm.

Hệ thống đường truyền mạng tại các TYT xã, phường trên địa bàn tỉnh Hưng Yên nhiều năm nay được Bảo hiểm xã hội Việt Nam tài trợ kinh phí sử dụng dịch vụ, tuy nhiên kể từ năm 2022 trở đi gói hỗ trợ này đã hết thời hạn, các TYT gặp khó khăn trong việc phải bố trí kinh phí lắp đặt đường truyền Internet từ nguồn chi thường xuyên tại TYT, hầu hết các TYT chỉ lắp đặt đường truyền tối thiểu dưới 200.000 đồng/tháng với tốc độ truy cập dưới 50 Mbps ảnh hưởng

đến tốc độ truy cập, truy xuất dữ liệu của các phần mềm, ứng dụng giao diện web chạy trên máy tính tại TYT. Việc tốc độ truy cập chậm, khả năng truy xuất dữ liệu chưa được tối ưu hoá đòi hỏi cần phải có giải pháp để nâng cao tốc độ đường truyền tại TYT xã, phường đáp ứng nhu cầu vận hành các phần mềm, ứng dụng lĩnh vực y tế để thực hiện CDS tại TYT xã, phường.

Trong dòng chảy CDS hiện nay, việc bảo đảm an toàn thông tin dữ liệu, chống virus cho máy tính là điều kiện không thể thiếu cho hoạt động CDS tại TYT xã, phường, thực tế cho thấy hiện nay mới có các bệnh viện quan tâm đầu tư, hầu hết TYT xã, phường chưa quan tâm đến việc cài đặt phần mềm diệt virus cho máy tính, đồng thời kinh phí hoạt động tại TYT hết sức hạn hẹp không bảo đảm cho việc mua phần mềm bản quyền để sử dụng ổn định. Nhóm nghiên cứu xác định việc trang bị phần mềm diệt virus có bản quyền trên môi trường internet tại TYT xã, phường là nhu cầu tất yếu để thực hiện CDS tại TYT xã, phường.

- Theo Công văn số 5999/BYT-VPB1 ngày 03/11/2020 của Bộ Y tế về việc tập huấn và triển khai sử dụng một phần mềm quản lý tại TYT xã, phường thì Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) và Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông Quân đội (VIETTEL) là đơn vị cùng Bộ Y tế xây dựng, hoàn chỉnh phần mềm quản lý thông tin cho các TYT.

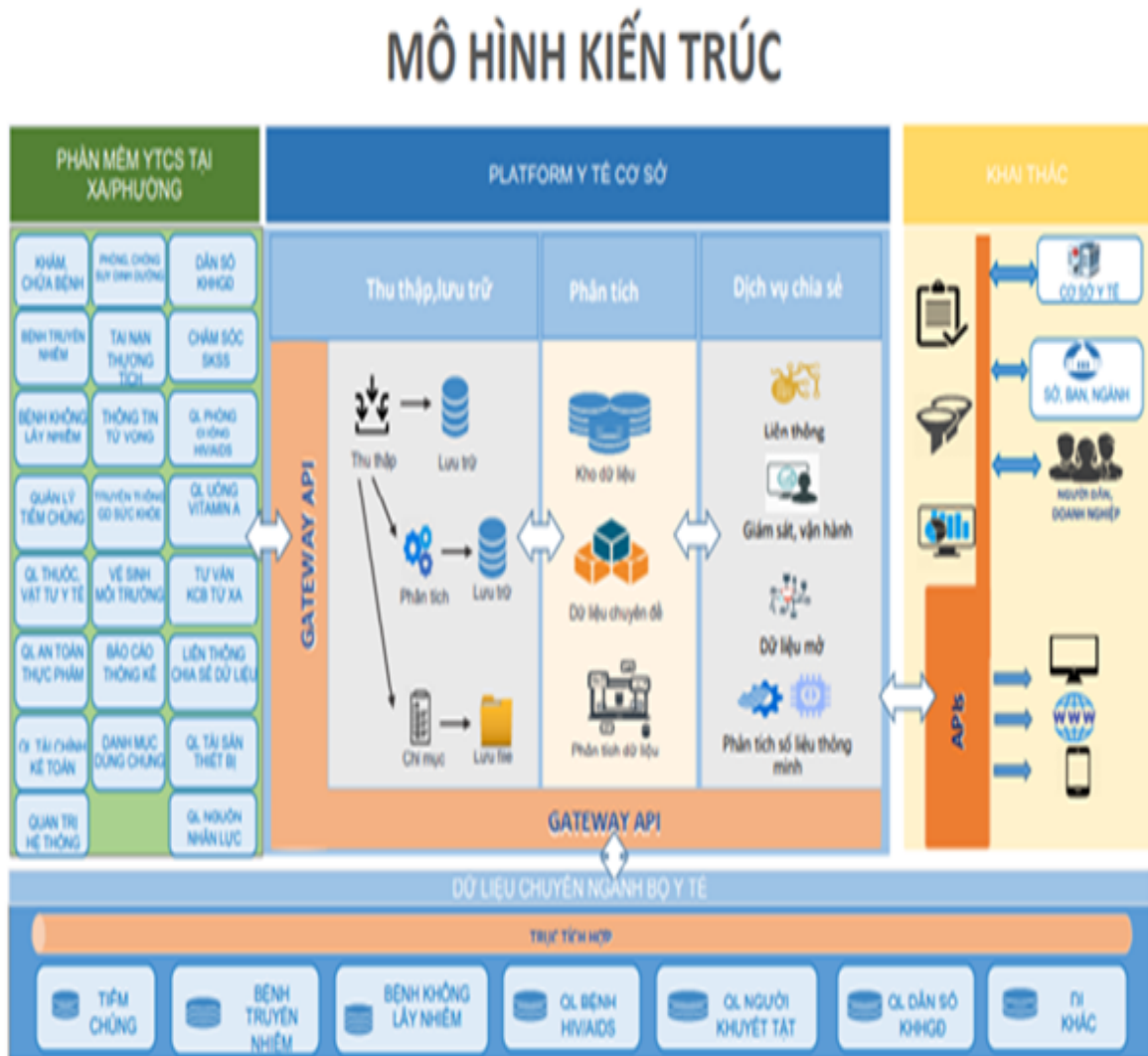
Theo Quyết định số 5316/QĐ-BYT ngày 22/12/2020 của Bộ Y tế phê duyệt Chương trình CDS y tế đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đã xác định nhiệm vụ: *“Xây dựng, triển khai phần mềm quản lý TYT xã, bảo đảm đáp ứng được tất cả các nghiệp vụ của TYT xã, đáp ứng các quy định tại Quyết định số 3532/QĐ-BYT ngày 12/08/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về xây dựng và triển khai hệ thống thông tin quản lý TYT xã, phường”*.

Từ những thực tiễn nêu trên khẳng định việc chuyển đổi từ việc sử dụng phần mềm quản lý thông tin TYT xã, phường rút gọn sang việc lắp đặt phần mềm quản lý thông tin TYT có trang bị đầy đủ các phân hệ, chức năng theo Quyết định số 3532/QĐ-BYT ngày 12/8/2020 của Bộ Y tế là rất cần thiết để hoàn thiện phần mềm duy nhất tích hợp đầy đủ các chức năng nhiệm vụ của TYT xã, phường, đặc biệt là 22 chức năng nhiệm vụ mới theo Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-BYT ngày 06/02/2026.

- Cùng với các điều kiện về hạ tầng công nghệ thông tin, phần mềm quản lý thông tin TYT xã, phường thì việc tăng cường năng lực đối cho nhân lực phụ trách hoạt động công nghệ thông tin tại TYT xã, phường sẽ là một trong những yếu tố then chốt để bảo đảm hiệu quả, khả thi của việc triển khai CDS tại TYT

xã, phường. Thông qua các chương trình đào tạo, tập huấn của Bộ Y tế, Sở Y tế, Công an tỉnh, nhiều cán bộ y tế đã được đào tạo cập nhật các kiến thức, kỹ năng về CDS. Tuy nhiên do việc đào tạo còn hạn chế về nội dung triển khai, hạn chế về số lượng tham gia, cán bộ công tác tại TYT xã, phường nói chung đặc biệt là nhân lực phụ trách hoạt động công nghệ thông tin tại TYT hầu như không được đào tạo, cập nhật kiến thức về CDS thường xuyên, bài bản. Các vấn đề đang được toàn xã hội cũng như ngành Y tế quan tâm như Kỹ năng xử lý thông tin trên không gian mạng, sử dụng phần mềm quản lý thông tin TYT xã, phường, an toàn an ninh thông tin, báo cáo thống kê y tế và đặc biệt là kỹ năng xây dựng Kế hoạch CDS TYT xã, phường hằng năm,...

- Hiện nay mô hình kiến trúc quản lý thông tin TYT xã, phường của tỉnh Hưng Yên được mô tả bởi sơ đồ như sau:



IV. KHÓ KHĂN, HẠN CHẾ

1. Khó khăn, hạn chế

Thực tiễn cho thấy, sau khi sáp nhập các đơn vị hành chính cấp xã từ tháng 7 năm 2025, quy mô dân số quản lý tại mỗi TYT đã tăng lên đáng kể, tạo ra những áp lực lớn về vận hành và hạ tầng. Trong khi đó, hệ thống máy tính hiện có phần lớn đã cũ kỹ, đường truyền Internet thiếu ổn định và chưa được trang bị đầy đủ các thiết bị ngoại vi phục vụ CDS như máy quét mã vạch hay thiết bị ký số cho bác sĩ. Bên cạnh đó, nguồn nhân lực tại các TYT hiện nay chủ yếu tập trung vào chuyên môn y tế mà chưa có cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, dẫn đến việc vận hành các phần mềm chuyên ngành còn gặp nhiều lúng túng, tiềm ẩn nguy cơ lộ lọt thông tin sức khỏe cá nhân.

Một trong những hạn chế lớn nhất hiện nay là tình trạng dữ liệu y tế thiếu sự liên thông, đồng bộ chuẩn dữ liệu giữa các phân hệ phần mềm như tiêm chủng, khám chữa bệnh và dân số. Việc thiếu kết nối dữ liệu theo thời gian thực giữa các tuyến y tế không chỉ gây khó khăn cho công tác chẩn đoán, điều trị khi bác sĩ tuyến xã không nắm được phác đồ tuyến trên, mà còn tạo ra lỗ hổng để các đối tượng có thể trục lợi bảo hiểm y tế bằng cách đi khám tại nhiều cơ sở khác nhau trong cùng một ngày. Thêm vào đó, việc tiếp nhận thêm các chức năng về bảo trợ xã hội đã khiến khối lượng công việc tại TYT tăng lên, đòi hỏi phải có một hệ thống số hóa đồng bộ để cập nhật và quản lý dữ liệu chính xác hơn. Hơn nữa, nhu cầu thụ hưởng các dịch vụ y tế hiện đại của người dân đang ngày càng tăng cao, đặc biệt là mong muốn được đặt lịch khám trực tuyến và sử dụng hồ sơ sức khỏe điện tử thay cho sổ giấy để thuận tiện tra cứu.

- Hạ tầng, thiết bị triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, CDS của ngành y tế, đặc biệt tại các TYT còn yếu và thiếu. Hầu hết các đơn vị hiện tại chưa đáp ứng thiết bị tối thiểu để triển khai ứng dụng CNTT, CDS như: máy chủ, máy tính TYT, thiết bị mạng LAN.

- Công tác bảo đảm an toàn thông tin trong ngành y tế còn gặp nhiều khó khăn: thiếu nhân lực bảo đảm an toàn thông tin, các thiết bị về an toàn, an ninh thông tin; lưu trữ, backup dữ liệu; hệ thống dự phòng còn hạn chế.

- Nhân lực triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, CDS của ngành y tế còn gặp nhiều khó khăn khi mặt bằng kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin của cán bộ, công chức, viên chức ngành y tế còn thấp, số lượng cán bộ chuyên trách về CNTT tại các đơn vị còn chưa đủ để đáp ứng yêu cầu.

- Các phần mềm phục vụ các chương trình y tế độc lập, phục vụ quản lý chuyên môn và báo cáo số liệu thực hiện về Bộ Y tế, hiện không kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu. Một số lĩnh vực công tác quan trọng khác của ngành y tế chưa có các phần mềm chuyên ngành đáp ứng triển khai CDS (giám định y khoa, giám định pháp y, kiểm nghiệm, dược, y tế dự phòng...).

- Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đang thực hiện lộ trình tự chủ trong khi đó giá dịch vụ kỹ thuật y tế chưa được kết cấu tính đúng, tính đủ, chưa có chi phí cho hoạt động ứng dụng CNTT trong giá dịch vụ kỹ thuật khiến các cơ sở khám, chữa bệnh gặp nhiều khó khăn trong việc cân đối, đầu tư cho ứng dụng CNTT, CDS.

2. Nguyên nhân của khó khăn, hạn chế

2.1. Nguyên nhân khách quan

Hạ tầng CNTT chưa đồng bộ, cấu hình thấp và hỏng hóc nhiều, chưa được thay thế kịp thời: Nhiều đơn vị y tế thiếu máy tính còn thiếu, cấu hình rất thấp và chưa đồng bộ, nhiều máy tính đã hỏng nhiều năm, sửa chữa nhiều lần nhưng chưa được sửa chữa thay thế kịp thời, hạ tầng mạng và phần mềm còn sơ sài.

Nguồn lực tài chính hạn chế: Kinh phí chủ yếu phụ thuộc ngân sách nhà nước, thủ tục đầu tư, thẩm định, giải ngân còn phức tạp, kéo dài. Giá dịch vụ y tế chưa tính đủ chi phí CNTT, gây khó khăn trong tái đầu tư hạ tầng.

Thiếu nhân lực chuyên môn: Không có cán bộ CNTT được tuyển dụng tại các TYT, cán bộ tại TYT hầu như chỉ được đào tạo về chuyên môn y tế, rất hiếm khi được đào tạo về các chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin, an toàn an ninh thông tin theo chế độ tập huấn mới, đào tạo định kỳ.

Chính sách chưa đồng bộ: Một số quy định mới về CNTT và CDS còn mới ban hành, thiếu văn bản hướng dẫn cụ thể, gây lúng túng khi triển khai tại cơ sở.

Đặc thù ngành y tế: Phạm vi rộng, dữ liệu lớn và nhạy cảm, yêu cầu bảo mật cao, nên việc triển khai CNTT đòi hỏi chi phí lớn và kỹ thuật chuyên sâu, trong khi nguồn lực còn hạn chế.

2.2. Nguyên nhân chủ quan

Thiếu chiến lược dài hạn: Nhiều cơ sở chưa xây dựng kế hoạch CDS cụ thể, dẫn đến đầu tư manh mún, thiếu trọng tâm.

Phân bổ nguồn lực chưa hợp lý: Kinh phí dành cho CNTT còn dàn trải, hiệu quả đầu tư chưa cao.

An toàn thông tin chưa được chú trọng: Mặc dù có tập huấn và hướng dẫn từ cơ quan chuyên môn, nhiều đơn vị vẫn thiếu chủ động trong xây dựng quy trình bảo mật nội bộ.

Khó khăn về nhân sự: Thiếu nhân sự phù hợp trong tuyển dụng cán bộ CNTT ở TYT xã, phường. Công tác đào tạo, bồi dưỡng nhân lực chưa được quan tâm đúng mức.

IV. HIỆU QUẢ KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Đối với tỉnh Hưng Yên

- Hình thành hệ thống y tế thông minh ngay từ tuyến cơ sở (bao gồm dự phòng thông minh, khám chữa bệnh thông minh và quản trị thông minh) sẽ góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ y tế tại tỉnh Hưng Yên, tăng thêm sự hài lòng tin tưởng của người dân khi sử dụng các dịch vụ y tế, hướng đến nền y tế hiện đại, chất lượng, công bằng, hiệu quả và hội nhập quốc tế.

- Trên cơ sở các thành quả mang lại của CDS TYT xã, phường sẽ thiết lập một hệ thống công nghệ thông tin hiện đại đồng bộ từ dữ liệu nguồn để phục vụ quản lý điều hành của Sở Y tế và các đơn vị trực thuộc là một đòi hỏi khách quan và cấp bách giúp công tác quản lý điều hành các hoạt động ngành y tế được tốt hơn, cải tiến công tác quản lý cũng như phong cách làm việc của cán bộ, nhân viên ngành y tế, nâng cao hiệu quả của công tác phòng bệnh, chẩn đoán và điều trị, đào tạo nhân lực cũng như nghiên cứu khoa học trong ngành y tế.

2. Đối với ngành y tế tỉnh Hưng Yên

- Cơ quan, bộ phận làm công tác quản lý Nhà nước tiếp cận, trao đổi dữ liệu, thông tin chính xác, kịp thời. Từ đó, công tác quản trị, phòng bệnh, khám chữa bệnh được thực hiện ngày càng tốt hơn (dự báo dịch bệnh và chủ động can thiệp từ trung tâm điều hành kiểm soát dịch bệnh của Sở Y tế, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh).

- Hình thành hệ thống khám bệnh, chữa bệnh thông minh, giúp người dân được sử dụng các dịch vụ khám, chữa bệnh tiên tiến, có chất lượng cao và thuận lợi hơn; tiết kiệm thời gian, chi phí và hạn chế các rủi ro, tai biến khi điều trị; góp phần giảm quá tải bệnh viện, xây dựng hình ảnh mới của TYT xã, phường văn minh, hiện đại, hết lòng vì người bệnh. Quản lý, khai thác thông tin y tế nhanh chóng, hiệu quả, thuận tiện.

- Giảm tải khối lượng công việc hành chính, nhân viên y tế có nhiều thời gian dành cho phát triển chuyên môn.

- Giảm thiểu các sai lầm y khoa: Các hệ thống giúp cảnh báo cho nhân viên y tế trong khám chữa bệnh, kê đơn thuốc, hỗ trợ chẩn đoán và điều trị được lập trình sẵn giúp tránh sai sót.

- Bệnh án điện tử được lưu trữ và dễ dàng truy xuất, thống kê một cách nhanh chóng, chính xác hỗ trợ cho công tác khám chữa bệnh và nghiên cứu khoa học.

3. Đối với người dân

- Tiếp cận dịch vụ y tế nhanh chóng, thuận tiện: Người dân có thể đặt lịch khám, nhận kết quả xét nghiệm và tư vấn từ xa qua điện thoại hoặc ứng dụng, giúp tiết kiệm thời gian và công sức, đặc biệt là với người cao tuổi hoặc ở vùng sâu, vùng xa.

- Chăm sóc sức khỏe chủ động, liên tục: Thông qua hồ sơ sức khỏe điện tử và các thiết bị theo dõi, người dân có thể quản lý chỉ số sức khỏe hàng ngày, theo dõi bệnh mạn tính, phát hiện sớm các dấu hiệu bất thường.

- Thông tin y tế minh bạch, dễ tra cứu: Mọi thông tin khám chữa bệnh đều được lưu trữ số hóa, giúp người dân dễ dàng truy cập, chia sẻ khi cần thiết mà không phụ thuộc vào hồ sơ giấy.

- Tăng độ chính xác và hiệu quả trong chẩn đoán, điều trị: Công nghệ trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn giúp bác sĩ chẩn đoán nhanh và chính xác hơn, giảm sai sót, nâng cao chất lượng điều trị.

- Được chăm sóc y tế liên tục và toàn diện: Nhờ hệ thống dữ liệu y tế kết nối liên thông, người dân vẫn được theo dõi sức khỏe đầy đủ khi chuyển tuyến, chuyển viện hoặc thay đổi nơi cư trú.

- Giảm chi phí và gánh nặng điều trị: Việc phát hiện bệnh sớm, điều trị kịp thời giúp người dân tiết kiệm chi phí khám chữa bệnh, đặc biệt là với bệnh lý mạn tính hoặc nguy hiểm.

- Nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ y tế chất lượng: Người dân ở vùng khó khăn vẫn có thể tiếp cận bác sĩ tuyến trung ương qua khám chữa bệnh từ xa (telemedicine), không cần di chuyển tốn kém.

Phần thứ ba

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

I. QUAN ĐIỂM

Các nội dung của Đề án CDS phải phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển công nghệ thông tin, CDS và các định hướng, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình chăm sóc sức khỏe nhân dân của Bộ Y tế nói chung và Sở Y tế nói riêng đối với TYT xã, phường.

Chú trọng ứng dụng các thành quả khoa học công nghệ trong cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, ứng dụng công nghệ thông tin, CDS góp phần đổi mới, nâng cao hiệu quả trong quản lý nhà nước ngành y tế, đồng thời góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân tỉnh nhà.

Đảm bảo việc ứng dụng và phát triển CDS trong y tế góp phần xây dựng hệ thống y tế cơ sở (TYT xã, phường) tỉnh Hưng Yên hiện đại là trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, trong đó Sở Y tế đóng vai trò điều phối, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đề án, kế hoạch thực hiện cho ứng dụng và phát triển CDS tại TYT xã, phường trên địa bàn tỉnh Hưng Yên hiện tại và định hướng đến năm 2030.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Ứng dụng và phát triển công nghệ số, công nghệ thông minh trong y tế nhằm xây dựng phát triển hệ thống 104 TYT xã, phường hiện đại, thông minh và hiệu quả, đáp ứng nhu cầu xã hội nhằm đồng bộ hóa nguồn dữ liệu y tế trên môi trường điện tử, tối ưu hóa nguồn lực sử dụng, hỗ trợ người dân dễ dàng tiếp cận thông tin y tế để sử dụng các dịch vụ y tế có hiệu quả cao và được bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe liên tục, suốt đời. Đồng thời, từng bước hình thành nền tảng hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại, an toàn, đồng bộ và kết nối liên thông toàn ngành, làm cơ sở triển khai hiệu quả các dịch vụ y tế số, bệnh án điện tử, khám bệnh từ xa, hồ sơ sức khỏe điện tử tiến tới TYT xã, phường thanh toán không dùng tiền mặt.

Phát triển nguồn nhân lực phụ trách CDS tại TYT xã, phường có đủ năng lực, đủ khả năng, kỹ năng sử dụng, đánh giá, quản lý và vận hành hệ thống quản lý thông tin TYT xã, phường trên môi trường điện tử nhằm phát huy tối đa tiện ích, ưu điểm của CDS trong lĩnh vực y tế vào công tác quản lý, điều hành, khám chữa bệnh cho nhân dân. Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhân lực y tế có kiến thức và kỹ năng về công nghệ thông tin, đáp ứng yêu cầu vận hành, khai thác, quản lý và bảo trì hệ thống CNTT tại 104 TYT xã, phường. Gắn kết đào tạo chuyên môn kỹ thuật và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin một cách hiệu quả, bền vững. Các chỉ tiêu tổng quát đến năm 2030: (i) 100% TYT xã, phường đạt chuẩn CDS theo bộ tiêu chí của Bộ Y tế; (ii) 100% người dân có Hồ sơ sức khỏe điện tử liên

thông; (iii) 100% dịch vụ y tế thiết yếu được cung cấp trực tuyến; (iv) 100% hệ thống thông tin đạt an toàn tối thiểu cấp độ 2.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1 Giai đoạn 2026 -2027:

Lộ trình phân kỳ Giai đoạn 1 (2026-2027): (i) 100% TYT hoàn thành nâng cấp hạ tầng CNTT; (ii) 70% người dân có SSKĐT; (iii) 80% TYT triển khai KCB BHYT trên môi trường số; (iv) 100% cán bộ đầu mối CDS được đào tạo CNTT cơ bản.

- 100% TYT xã, phường sử dụng chung một hệ thống quản lý thông tin TYT xã, phường có khả năng liên thông, đồng bộ dữ liệu phục vụ hoạt động quản lý, điều hành của Sở Y tế, Ủy ban nhân dân xã, phường và TYT xã, phường và bảo đảm tích hợp 26 cơ sở dữ liệu lĩnh vực y tế theo Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ.

- 70% người dân có SSKĐT cơ bản, bảo đảm liên thông dữ liệu trong tỉnh và chia sẻ cho các hệ thống khác phục vụ công tác chuyên môn. Phân đầu đến năm 2030 đạt 100% người dân có SSKĐT liên thông toàn quốc.

- 100% hoạt động quản lý tại TYT xã, phường được đồng nhất, quản lý tổng thể thông qua phần mềm công nghệ thông tin, CDS đáp ứng 22 chức năng nhiệm vụ của TYT theo Điều 4, Thông tư số 06/VBHN-BYT ngày 06/02/2026 của Bộ Y tế để hướng tới mục tiêu bảo đảm phòng bệnh từ sớm, từ xa, sẵn sàng ứng phó với các tình huống khẩn cấp về y tế công cộng.

- 100% quy trình quản lý được, vật tư và khám chữa bệnh được thực hiện trên môi trường số.

- 100% các dịch vụ y tế thiết yếu được cung cấp trực tuyến gồm: Đăng ký/tư vấn khám bệnh, nhắc lịch tiêm chủng, tra cứu lịch sử tiêm chủng, theo dõi SSKĐT.

- 100% cán bộ được giao nhiệm vụ về công nghệ thông tin/CDS tại TYT xã, phường được đào tạo chứng chỉ về công nghệ thông tin từ cơ bản đến nâng cao. - Hoàn thành xây dựng văn bản pháp lý bổ sung nhiệm vụ cho cán bộ phụ trách quản lý, triển khai về công nghệ thông tin/CDS tại TYT xã, phường.

- 100% hệ thống thông tin được phân loại và bảo đảm an toàn tối thiểu cấp độ 2 theo Nghị định số 85/2016/NĐ-CP.

2.2 Giai đoạn 2028 -2030:

Lộ trình phân kỳ Giai đoạn 2 (2028-2030): (i) 100% người dân có SSKĐT liên thông; (ii) tối thiểu 50% TYT triển khai Telehealth; (iii) 100% TYT tiến tới thanh toán không dùng tiền mặt.

- 100% người dân có SSKĐT phục vụ công tác quản lý sức khỏe, phân tích mô hình bệnh tật trên địa bàn toàn tỉnh.
- Từng bước triển khai y tế từ xa (Telehealth) tại TYT xã, phường để kết nối với các bác sĩ chuyên khoa tuyến tỉnh.
- Chuyển đổi hoàn toàn sang mô hình hoạt động "không giấy tờ" và từng bước tiến tới việc thanh toán không dùng tiền mặt;
- Tận dụng tối đa nguồn lực khi đồng bộ dữ liệu với Trung tâm lưu trữ dữ liệu tập trung cấp tỉnh để hình thành trung tâm quản lý, điều hành, theo dõi tình hình dịch bệnh tại Sở Y tế và Trung tâm Kiểm soát bệnh tật.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Giải pháp về tổ chức bộ máy, tuyển dụng, đào tạo nhân lực

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành cơ chế phụ cấp kiêm nhiệm hoặc hỗ trợ tài chính đặc thù đối với cán bộ được giao quản lý, vận hành hệ thống CNTT/CDS tại TYT xã, phường.
- Sở Y tế phối hợp Sở KHCHN và các cơ quan liên quan xây dựng và ban hành Bộ tài liệu hướng dẫn CDS chuẩn dành cho TYT xã, phường (dạng step-by-step, có hình ảnh minh họa, ngôn ngữ đơn giản, phù hợp cán bộ không có chuyên môn CNTT). Tổ chức tập huấn theo hình thức cầm tay chỉ việc, tối thiểu 02 đợt/năm trong Giai đoạn 2026-2027.
- Đào tạo kiến thức, kỹ năng công nghệ thông tin.
- + Cử cán bộ đi học lớp văn bằng 2 chuyên ngành công nghệ thông tin theo chính sách đãi ngộ của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh.
- + Đối với lãnh đạo TYT: Đào tạo kỹ năng quản lý trên môi trường số, sử dụng chữ ký số và năng lực phân tích dữ liệu y tế phục vụ điều hành.
- + Đối với cán bộ vận hành: Tập huấn chuyên sâu về quản trị phần mềm quản lý tổng thể TYT, quản lý SSKĐT, kỹ năng bảo mật dữ liệu và làm sạch dữ liệu dân cư theo Đề án 06 và đào tạo định kỳ và cầm tay chỉ việc từ các đơn vị cung cấp giải pháp, cấp chứng chỉ đào tạo định kỳ và cập nhật, đào tạo mới hàng năm.
- + Tổ chức ít nhất 02 đợt tập huấn chuyên sâu trong năm 2026-2027, bảo đảm 100% cán bộ đầu mỗi CDS được đào tạo trước khi hệ thống V20 vận hành chính thức.
- + Đào tạo, triển khai kiến thức cho cán bộ lãnh đạo y tế xã, phường.
- + Đối với cán bộ y tế khác: Tổ chức đào tạo, tập huấn kỹ năng CDS hàng năm.

2. Giải pháp đầu tư về hạ tầng phần mềm, phần cứng

- **Phần cứng:** Trang bị đồng bộ máy tính, máy in, máy quét QR/Căn cước công dân, thiết bị phục vụ khám chữa bệnh từ xa (Telehealth) và đường truyền cáp quang tốc độ cao. Về đường truyền Internet: 100% TYT xã, phường được nâng cấp đường truyền cáp quang lên tối thiểu 500 Mbps (gói cước từ

500.000đ/tháng trở lên) trong Giai đoạn 1 (2026-2027). Bố trí nguồn kinh phí chi thường xuyên bền vững để duy trì đường truyền sau đầu tư, tránh tình trạng đứt gãy do hết kinh phí thuê bao.

- **Phần mềm:** Triển khai các giải pháp phần mềm bảo đảm đầy đủ các hoạt động quản lý chuyên môn của TYT :

2.1. Giải pháp triển khai Hệ thống phần mềm quản lý tổng thể TYT

Triển khai Hệ thống phần mềm quản lý tổng thể TYT hướng tới mô hình TYT số không giấy tờ bao các phân hệ:

- Quản lý dân số và kế hoạch hóa gia đình
- Quản lý khám chữa bệnh, cấp thuốc
- Bệnh án điện tử
- Quản lý, tích hợp máy xét nghiệm (LIS)
- Quản lý tích hợp máy chẩn đoán hình ảnh (PACS)
- Quản lý thuốc và vật tư y tế
- Quản lý tiêm chủng và sử dụng vắc xin phòng chống bệnh
- Quản lý bệnh truyền nhiễm
- Quản lý không lây nhiễm
- Quản lý nhân lực y tế
- Quản lý chăm sóc sức khỏe sinh sản
- Quản lý phòng chống HIV/AIDS
- Quản lý thông tin tử vong
- Quản lý truyền thông giáo dục sức khỏe
- Quản lý phòng chống tai nạn thương tích
- Quản lý tài sản, trang/thiết bị
- Quản lý uống vitamin A
- Quản lý tài chính kế toán
- Quản lý an toàn thực phẩm
- Quản lý bác sĩ gia đình
- Quản lý trường hợp theo dõi giám sát tại cộng đồng
- Báo cáo thống kê
- Quản lý phòng chống suy dinh dưỡng
- Tư vấn, đăng ký KCB từ xa
- Quản lý vệ sinh môi trường
- Quản trị hệ thống, danh mục

2.2. Giải pháp triển khai hệ thống dữ liệu số sức khỏe điện tử.

Triển khai Hệ thống dữ liệu SSKĐT cho toàn dân để từng bước hoàn thành cơ sở dữ liệu sức khỏe người dân phục vụ công tác quản lý, theo dõi tình hình bệnh tật và gắn với bảo hiểm y tế toàn dân trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. Bảo đảm mỗi người dân có một SSKĐT với đầy đủ thông tin và được sử dụng trong hoạt động khám chữa bệnh, theo dõi sức khỏe người dân, từng bước thay thế y bạ giấy, gồm các phân hệ:

- Dịch vụ liên thông và chia sẻ dữ liệu (Liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các Trạm và đến các CSDL của Sở Y tế, UBND tỉnh theo chuẩn dữ liệu quy định tại Quyết định 3176/QĐ-BYT năm 2024). Dữ liệu được chia sẻ theo thời gian thực (Realtime) với CSDL quản lý chuyên ngành của Sở Y tế.
- Kết xuất dữ liệu đầu ra, tích hợp với các CSDL của Bộ Y tế,...
- Hệ thống dữ liệu SSKĐT cho ngành y tế: Chức năng tổng quát; Chức năng quản lý thông tin sức khỏe; Chức năng Hồ sơ chứng từ; Chức năng hỗ trợ cung cấp dịch vụ chăm sóc; Chức năng báo cáo – thống kê
- Hệ thống dashboard và báo cáo điều hành Hệ thống dữ liệu SSKĐT
- Cổng thông tin sức khỏe người dân
- Ứng dụng SSKĐT

2.3. Giải pháp triển khai hệ thống phần mềm và các giải pháp điều phối, kết nối dữ liệu y tế tập trung trong lĩnh vực phòng bệnh, y tế công cộng và dân số

Triển khai triển khai hệ thống phần mềm và các giải pháp điều phối, kết nối dữ liệu y tế tập trung trong lĩnh vực phòng bệnh, y tế công cộng và dân số tỉnh Hưng Yên nhằm hình thành hệ thống thông tin dữ liệu về y tế dự phòng tập trung, liên thông và đồng bộ; bảo đảm dữ liệu được cập nhật kịp thời, chính xác; phục vụ hiệu quả công tác quản lý, giám sát, dự báo và cảnh báo sớm; đồng thời hỗ trợ ra quyết định nhanh chóng, nâng cao chất lượng công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Các nội dung quản lý, khai thác: Tích hợp, thu thập dữ liệu từ các hệ thống nguồn chuyên ngành về cơ sở dữ liệu y tế dự phòng; Xử lý, làm sạch, chuẩn hóa dữ liệu và lưu trữ dữ liệu thành các miền dữ liệu chuyên ngành; Trình diễn và khai thác dữ liệu phục vụ quản lý điều hành thông qua việc tổng hợp, phân tích và trực quan dữ liệu dưới dạng các dashboard, báo cáo phục vụ báo cáo cho Sở Y tế và Trung tâm kiểm soát bệnh tật; Chia sẻ dữ liệu cho các hệ thống, dịch vụ khác thông qua API, trích xuất dữ liệu file Excel hoặc XML theo nhu cầu của từng hệ thống cụ thể. Kho dữ liệu y tế dự phòng quản lý các nhóm dữ liệu trọng tâm sau:

- Dữ liệu Dân số và Hộ gia đình
- Dữ liệu Khám chữa bệnh
- Dữ liệu Người khuyết tật
- Dữ liệu bảo trợ xã hội
- Dữ liệu Phòng chống bệnh không lây nhiễm
- Dữ liệu hoạt động dinh dưỡng
- Dữ liệu Phòng chống Bệnh hen phế quản, phổi mãn tính
- Dữ liệu Sức khỏe tâm thần
- Dữ liệu Phòng chống bệnh truyền nhiễm
- Dữ liệu Chăm sóc điều trị người mắc HIV/AIDS
- Dữ liệu bệnh nhân điều trị Methadone

- Dữ liệu An toàn thực phẩm
- Dữ liệu Dược - Vật tư y tế
- Dữ liệu Môi trường Y tế
- Dữ liệu Nước sạch vệ sinh môi trường
- Dữ liệu thông tin Y tế trường học
- Dữ liệu thông tin Sức khỏe sinh sản
- Dữ liệu Da liễu và Phòng chống mù lòa tại cộng đồng
- Dữ liệu Sốt rét - Ký sinh trùng – côn trùng
- Dữ liệu Hóa sinh
- Dữ liệu bệnh nghề nghiệp- Chẩn đoán hình ảnh- Thăm dò chức năng
- Dữ liệu Truyền thông giáo dục sức khỏe
- Dữ liệu Xét nghiệm vi Huyết học
- Dữ liệu báo cáo 2 cấp theo Thông tư 23/2025/TT-BYT

2.4. Giải pháp thiết kế hệ thống tư vấn, khám chữa bệnh từ xa (Telehealth)

Hệ thống cầu truyền hình phục vụ hội chẩn từ xa được xây dựng nhằm kết nối phòng hội chẩn trung tâm với các cơ sở y tế tuyến dưới, bảo đảm khả năng trao đổi chuyên môn kịp thời và hiệu quả. Giải pháp tích hợp thiết bị ghi hình, âm thanh và phần mềm truyền dẫn chuyên dụng, đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh từ xa trong nhiều tình huống khác nhau.

Hệ thống được thiết kế vận hành ổn định, bảo đảm chất lượng hình ảnh đạt chuẩn HD và âm thanh rõ ràng, hạn chế độ trễ trong quá trình truyền tải. Điều này giúp các bác sĩ có thể quan sát chi tiết tình trạng bệnh nhân và trao đổi chuyên môn một cách chính xác, nâng cao hiệu quả hội chẩn.

Bên cạnh đó, hệ thống được xây dựng với kiến trúc mở, cho phép dễ dàng nâng cấp và mở rộng khi có nhu cầu tăng số lượng điểm cầu hoặc tích hợp thêm các tính năng mới. Điều này giúp bảo đảm tính linh hoạt, đáp ứng định hướng phát triển lâu dài của hệ thống y tế số.

Hệ thống tại phòng hội chẩn được trang bị các thiết bị bao gồm:

- 01 bộ thiết bị truyền hình hội nghị hỗ trợ độ phân giải HD, có PTZ hỗ trợ độ phân giải FullHD, zoom quang 12x phục vụ hội chẩn từ xa với các đơn vị. Thành phần bao gồm: 01 thiết bị codec xử lý âm thanh hình ảnh; 01 camera thu hình zoom quang học 12x; 01 bộ microphone để bàn phục vụ hỗ trợ thu phát âm thanh; 01 remote điều khiển từ xa; 01 bộ cáp kết nối
- 01 màn hình hiển thị 65” đặt phía trên của phòng hội chẩn cho cán bộ tham gia hội chẩn quan sát.
- 01 khung giá treo đa năng hỗ trợ treo màn hình tivi.
- Cáp HDMI dài 20m có chuẩn kết nối 2 đầu HDMI
- Bộ phụ kiện lắp đặt gồm: nẹp bán nguyệt, dây bó cáp, dây điện, dây mạng... đi kèm.

Khi tổ chức hội chẩn trực tuyến, phòng hội chẩn được bố trí khoa học, bảo đảm vị trí ngồi và hướng quan sát của các bác sĩ đều thuận lợi, giúp theo dõi nội dung trên màn hình hiển thị một cách rõ ràng và đầy đủ. Việc sắp xếp không gian, ánh sáng và thiết bị được tối ưu nhằm hạn chế điểm mù, giảm mỏi mắt và nâng cao hiệu quả trao đổi chuyên môn trong suốt quá trình hội chẩn.

3. Giải pháp về cơ chế, chính sách và quản lý

Hoàn thiện hành lang pháp lý và tạo động lực cho cán bộ thực hiện:

- Xây dựng quy chế vận hành:

- Ban hành quy định cụ thể về việc khai thác, cập nhật và bảo mật thông tin y tế tại TYT. Thiết lập quy trình phối hợp chặt chẽ với Tổ công nghệ số cộng đồng để hỗ trợ người dân cài đặt và sử dụng ứng dụng SSKĐT cho người dân.
- Ban hành quy chế sử dụng, vận hành, khai thác, chia sẻ dữ liệu các hệ thống phần mềm triển khai tại TYT và các đơn vị chuyên môn cho các phần mềm: Hệ thống phần mềm quản lý hoạt động của TYT; Hệ thống phần mềm quản lý SSKĐT; Kho dữ liệu Y tế dự phòng.

- Chính sách đãi ngộ: Tham mưu UBND tỉnh xem xét, ban hành cơ chế chính sách hỗ trợ, đãi ngộ đặc thù đối với cán bộ phụ trách CNTT/CĐS tại tuyến y tế cơ sở. Đây là giải pháp quan trọng để thu hút, tuyển dụng và giữ chân nhân sự chất lượng cao làm việc tại địa phương.

4. Giải pháp tận dụng nguồn lực để nâng cao chất lượng hoạt động

Tận dụng tối đa sức mạnh công nghệ để cải thiện trải nghiệm của người dân:

❖ *Phát triển Y tế từ xa:*

Giải pháp tối ưu hóa nguồn lực và nâng cao chất lượng dịch vụ y tế thông qua phần mềm y tế từ xa và hội chẩn trực tuyến trên được đề xuất trong bối cảnh hệ thống y tế cơ sở còn hạn chế về nhân lực và chuyên môn sâu. Hiện nay, nhiều cơ sở y tế tuyến dưới gặp khó khăn trong việc xử lý các ca bệnh phức tạp, trong khi tuyến trên lại thường xuyên quá tải. Điều này dẫn đến tình trạng người dân phải di chuyển xa để khám chữa bệnh, gây tốn kém thời gian và chi phí. Việc ứng dụng công nghệ y tế từ xa giúp kết nối trực tiếp giữa bác sĩ và bệnh nhân, đồng thời tạo cầu nối chuyên môn giữa các tuyến, từ đó góp phần nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ y tế chất lượng cao ngay tại địa phương.

Giải pháp tập trung vào việc triển khai một nền tảng phần mềm tích hợp các chức năng khám chữa bệnh từ xa, hội chẩn trực tuyến và quản lý hồ sơ bệnh án điện tử. Thông qua hệ thống này, bác sĩ tuyến dưới có thể gửi dữ liệu bệnh án, hình ảnh cận lâm sàng lên tuyến trên để nhận tư vấn chuyên môn kịp thời. Các buổi hội chẩn trực tuyến được tổ chức linh hoạt, giúp nâng cao độ chính xác trong chẩn đoán và điều trị. Đồng thời, hệ thống còn hỗ trợ theo dõi bệnh nhân từ xa, đặc biệt với các bệnh mãn tính, và tạo điều kiện cho việc đào tạo, chuyển giao kiến thức giữa các tuyến, góp phần nâng cao năng lực đội ngũ y tế cơ sở.

Việc triển khai giải pháp mang lại nhiều lợi ích thiết thực cho cả cơ sở y tế và người dân. Các bệnh viện tuyến trên được giảm tải, trong khi tuyến dưới được tăng cường năng lực xử lý chuyên môn, qua đó tối ưu hóa việc phân bổ nguồn lực toàn hệ thống. Người dân có thể tiếp cận dịch vụ y tế chất lượng cao mà không cần di chuyển xa, giúp tiết kiệm chi phí và thời gian. Về lâu dài, giải pháp góp phần thúc đẩy CDS ngành y tế, nâng cao hiệu quả quản lý và chất lượng chăm sóc sức khỏe, hướng tới xây dựng một hệ thống y tế hiện đại, đồng bộ và bền vững.

Hệ thống truyền hình hội nghị cho chất lượng hiển thị với độ phân giải HD 720p (1280x720). Phục vụ việc hội chẩn với các bệnh viện vệ tinh ở phòng họp và kết nối trực tuyến từ ngay tại giường khám bệnh.

Hệ thống có tính linh hoạt cao, có thể lắp đặt thêm các màn hình hiển thị trong phòng hội chẩn (chỉ cần bổ sung bộ chia hình ảnh).

Hệ thống cho phép trình chiếu content từ máy tính phục vụ cho mục đích đào tạo, báo cáo...

Hệ thống được thiết kế với UPS 1KVA cấp nguồn cho thiết bị bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định, thông tin liên lạc thông suốt.

❖ *Ứng dụng dữ liệu lớn (Big Data):*

Khai thác kho dữ liệu Y tế dự phòng tập trung để dự báo xu hướng dịch bệnh, quản lý mô hình bệnh tật trên địa bàn, bảo đảm dữ liệu "đúng, đủ, sạch, sống" phục vụ hiệu quả công tác quản lý, giám sát, dự báo và cảnh báo sớm; đồng thời hỗ trợ ra quyết định nhanh chóng, nâng cao chất lượng công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân và phục vụ công tác y tế dự phòng.

❖ *Thanh toán không dùng tiền mặt:*

Từng bước chuẩn hóa quy trình thu phí dịch vụ y tế bằng mã QR qua ứng dụng của các ngân hàng và các nền tảng thanh toán trực tuyến, hướng tới mục tiêu 100% không dùng tiền mặt tại TYT.

5. Giải pháp về cơ chế phối hợp trong ngành và liên ngành

- **Trong ngành y tế:** Phối hợp chặt chẽ với các bệnh viện, cơ sở y tế để liên thông dữ liệu, dữ liệu khám chữa bệnh (cảnh báo và phòng ngừa trực lợi BHYT), khám chữa bệnh từ xa và chuyển tuyến.

- **Liên ngành:** Phối hợp với Công an xã, phường thực hiện đối soát dữ liệu dân cư (Đề án 06).

- TYT chủ trì tham mưu UBND xã, phường phối hợp với các đoàn thể thuộc Mặt trận tổ quốc cấp xã (Thanh niên, Phụ nữ,...) trong việc tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng ứng dụng y tế số.

- Phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông (Viettel, VNPT và các đơn vị có năng lực...) đàm phán gói cước ưu đãi thống nhất cho 104 TYT toàn tỉnh; ưu tiên chọn nhà cung cấp có hạ tầng phủ sóng rộng, bảo đảm tốc độ và ổn định

theo tiêu chuẩn kỹ thuật tối thiểu quy định trong Đề án (không chỉ định độ quyền một nhà cung cấp theo quy định Luật Viễn thông).

- Phối hợp với cơ sở GD&ĐT trong việc kết nối, chia sẻ dữ liệu SSKĐT của trẻ em và học sinh với hệ thống quản lý Y tế học đường; phối hợp tuyên truyền, hướng dẫn phụ huynh, học sinh sử dụng SSKĐT.

- UBND xã, phường chủ trì đóng vai trò điều phối tại địa phương trong việc kết nối dữ liệu y tế với cơ sở dữ liệu hành chính, dân cư của xã, phường, phối hợp với Tổ công nghệ số cộng đồng hỗ trợ người dân cài đặt, sử dụng ứng dụng y tế số.

Phần thứ tư

KINH PHÍ, TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. NGUỒN VỐN VÀ PHÂN KỲ ĐẦU TƯ

1.1. Nguồn vốn

Kinh phí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành và các nguồn hợp pháp khác. Chi đầu tư phát triển: mua sắm hạ tầng CNTT, phần mềm dùng chung. Chi thường xuyên: bảo hành, bảo trì, đào tạo, khuyến khích nhân lực. Lồng ghép kinh phí từ các đề án, chương trình liên quan. Trong Giai đoạn 1 (2026-2027), ngân sách tỉnh ưu tiên hỗ trợ 100% kinh phí đầu tư ban đầu (hạ tầng, phần mềm dùng chung) cho 104 TYT xã, phường. Từ Giai đoạn 2 (2028-2030), UBND xã, phường chủ động cân đối ngân sách địa phương để đầu tư bổ sung và duy trì vận hành.

1.2. Nhu cầu kinh phí dự kiến

1.2.1. Dự kiến kinh phí: **96.784.387.200** đồng, trong đó:

- Giai đoạn 01 (năm 2026 - năm 2027): Triển khai, tổ chức thực hiện các giải pháp để khắc phục ngay các tồn tại, hạn chế của TYT xã, phường.
- Giai đoạn 02 (năm 2028 – năm 2030): Triển khai, tổ chức thực hiện các giải pháp đồng bộ tiến tới việc CDS toàn diện tại TYT xã, phường đáp ứng theo nhu cầu xã hội.

Chi tiết tại Phụ lục III dự toán chi phí kèm theo.

1.2.2. Nhu cầu kinh phí, phân kỳ đầu tư và cơ chế tài chính

- Thực hiện theo cơ chế: (1) đầu tư mua sắm một lần kết hợp chi thường xuyên chi phí bảo hành bảo trì; (2) triển khai dịch vụ công nghệ thông tin, khi nguồn nhân lực công nghệ thông tin của cơ sở không đảm bảo tự vận hành.
- Kinh phí thực hiện đề án từ nguồn ngân sách nhà nước: bao gồm chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển được cân đối hàng năm cho hoạt động sự nghiệp y tế.
- Tăng cường sử dụng các nguồn kinh phí lồng ghép trong các chương trình, đề án liên quan đã được phê duyệt và các nguồn hợp pháp khác để thực hiện nhiệm vụ.
- Bảo đảm nguồn lực cho đào tạo, khuyến khích nhân lực CNTT trong ngành y tế: Dành một phần ngân sách và nguồn thu hợp pháp để đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực CNTT cho cán bộ, công chức, viên chức ngành y tế. Xây dựng cơ chế khuyến khích, hỗ trợ, khen thưởng đối với nhân lực CNTT có trình độ cao, góp phần thu hút và giữ chân đội ngũ chuyên môn, bảo đảm vận hành ổn định và phát triển bền vững hệ thống CNTT y tế.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Là cơ quan thường trực, chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai Đề án; tổ chức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Đề án. Là đầu mối định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả triển khai thực hiện Đề án.

- Phối hợp với UBND xã, phường hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các TYT xã, phường trong việc triển khai hồ sơ bệnh án điện tử tiến tới không sử dụng bệnh án giấy, thanh toán viện phí điện tử không dùng tiền mặt; đẩy mạnh hoạt động “khám, chữa bệnh từ xa” và các nhiệm vụ trọng tâm khác theo đúng kế hoạch.

- Chủ động nắm bắt các khó khăn, vướng mắc có khả năng ảnh hưởng đến chất lượng, tiến độ của Đề án. Báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định đối với các vấn đề vượt thẩm quyền. Đề xuất các cơ chế chính sách cần thiết thúc đẩy Đề án.

- Trong quá trình tổ chức thực hiện Đề án, thường xuyên cập nhật các quy định có liên quan để tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung nội dung Đề án bảo đảm đúng quy định và phù hợp với tình hình thực tiễn.

2. Sở khoa học và Công nghệ

Hướng dẫn triển khai các quy định của pháp luật về ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trong phạm vi quản lý. Hướng dẫn, hỗ trợ các đơn vị, cá nhân trong ngành y tế thực hiện thủ tục về sở hữu công nghiệp; ứng dụng, khai thác sản phẩm KH-CN trong lĩnh vực y tế.

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tham mưu, báo cáo cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Đề án Chuyển đổi số đối với Trạm Y tế xã, phường trên địa bàn tỉnh đảm bảo theo đúng quy định. Hàng năm tổng hợp các nhiệm vụ/dự án sử dụng vốn đầu tư công trung hạn và hàng năm theo quy định của Luật Đầu tư công.

3. Sở Tài chính

Tham mưu báo cáo cấp có thẩm quyền cân đối, bố trí kinh phí tối thiểu 3% tổng chi ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định cho nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

Chủ trì, phối hợp với UBND xã, phường tổng hợp các mục tiêu, nhiệm vụ CDS TYT vào Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm. Hàng năm tổng hợp, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí theo Luật NSNN, Luật Đầu tư công và Luật KH-CN. Hướng dẫn các đơn vị lập dự toán, quản lý, sử dụng kinh phí bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

4. Công an tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, Sở Khoa học và Công nghệ, UBND xã, phường, TYT trong việc bảo đảm an ninh, an toàn thông tin mạng cho hệ thống CNTT ngành y tế; phòng, chống tấn công mạng, lộ lọt dữ liệu theo quy định.

- Hướng dẫn, kiểm tra các cơ sở y tế trong việc tuân thủ quy định về bảo vệ bí mật nhà nước khi triển khai hệ thống thông tin, bệnh án điện tử, SSKĐT.

- Phối hợp triển khai các giải pháp định danh, xác thực điện tử (VNeID, CCCD gắn chip, sinh trắc học) phục vụ đăng ký, khám chữa bệnh, quản lý bệnh nhân, thanh toán không dùng tiền mặt; Tham gia quản lý, khai thác, kết nối cơ sở dữ liệu dân cư quốc gia phục vụ liên thông dữ liệu y tế – bảo hiểm xã hội – dân cư; Phối hợp xử lý các vụ việc liên quan đến tội phạm công nghệ cao, lừa đảo, gian lận bảo hiểm y tế, giả mạo hồ sơ y tế trên môi trường số.

- Định kỳ phối hợp với các sở, ngành đánh giá rủi ro, tổ chức tập huấn, diễn tập về an ninh mạng và an toàn dữ liệu y tế.

5. Bảo hiểm xã hội tỉnh

Chủ trì, phối hợp với TYT xã, phường bảo đảm liên thông dữ liệu BHYT và dữ liệu khám bệnh, chữa bệnh, chi phí khám bệnh, chữa bệnh đối với các hệ thống dữ liệu y tế của tỉnh.

6. Sở Giáo dục và Đào tạo

Phối hợp với Sở Y tế và chính quyền địa phương trong công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về y tế số; chỉ đạo các cơ sở giáo dục tuyên truyền, hướng dẫn phụ huynh, học sinh và giáo viên cài đặt, sử dụng SSKĐT và các ứng dụng y tế số.

7. Ủy ban nhân dân xã, phường

- Xây dựng kế hoạch chi tiết hằng năm và giai đoạn để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ; Chủ trì triển khai các nhiệm vụ về CDS, tổ chức rà soát, mua sắm, triển khai các dịch vụ cho TYT xã, phường bảo đảm đồng bộ theo quy định của pháp luật và theo phân cấp ngân sách.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan lập, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư theo Luật Đầu tư công (nếu có); dự kiến kinh phí các nhiệm vụ chi thường xuyên theo Nghị định 104/2026/NĐ-CP.

- Chủ động, ưu tiên bố trí nguồn nhân lực và cân đối tài chính theo khả năng để triển khai xây dựng TYT phát triển công tác chuyển đổi số.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai thực hiện các nội dung Đề án đạt hiệu quả, chất lượng, đúng quy định.

- Chỉ đạo TYT xã, phường: Căn cứ chức năng nhiệm vụ, cơ chế phối hợp để tổ chức thực hiện các hoạt động chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh, khám

chữa bệnh từ xa theo chức năng nhiệm vụ và thực hiện các văn bản chỉ đạo của Tỉnh uỷ, Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Y tế, Sở Y tế.

- Kiểm tra, đôn đốc TYT xã, phường trong việc triển khai hồ sơ bệnh án điện tử tiến tới không sử dụng bệnh án giấy, thanh toán viện phí điện tử không dùng tiền mặt; đẩy mạnh hoạt động “khám, chữa bệnh từ xa” và các nhiệm vụ trọng tâm khác theo đúng kế hoạch.

- Định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo Sở Y tế, Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả triển khai thực hiện Đề án.

8. Các doanh nghiệp viễn thông (Viettel, VNPT và các đơn vị có năng lực...): Trên cơ sở chỉ đạo của Tỉnh uỷ, Ủy ban nhân dân tỉnh và các Biên bản ghi nhớ hợp tác để duy trì và cập nhật công nghệ cho lĩnh vực y tế được đồng bộ, phù hợp, chuyên sâu, đúng quy định.

PHỤ LỤC I

HIỆN TRẠNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TẠI 104
TYT XÃ, PHƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HƯNG YÊN

TT	Thông tin chung của xã, phường	Tổng số lượng biển chế hiện có tại TYT xã, phường (bao gồm tất cả các chức danh)	Công nghệ thông tin tại trạm chính														Giá cước gói Internet		Thiết bị phân chia mạng Lan, Wifi (Switch)	
	Tên TYT xã/phường/ đặc khu		Máy tính (Máy tính để bàn HOẶC máy tính xách tay HOẶC máy tính bảng)			Máy in			Máy Scan			Máy quét QRCode (Máy quét mã vạch/quét t CCCD, /Thẻ BHYT)		Đường truyền Internet			Giá cước gói Internet (VNĐ/t hàng) hiện có tại đơn vị (giá gói cước hàng tháng, VNĐ)	Đề xuất gói cước sử dụng hàng tháng (VNĐ)	Số hiện có	Số đề xuất
			Số máy đang sử dụng	Số máy theo TC ĐM 01 máy/ chức danh	Số máy còn thiếu với TC ĐM 01 máy/ chức danh	Số máy đang sử dụng	Số máy theo TC ĐM 01 máy/ chức danh	Số máy còn thiếu với TC ĐM 01 máy/ chức danh	Số máy đang sử dụng	Số máy theo TC ĐM 01 máy/ chức danh	Số máy còn thiếu với TC ĐM 01 máy/ chức danh	Số máy đang sử dụng	Số máy theo TC ĐM 01 máy/ chức danh	Số máy còn thiếu với TC ĐM 01 máy/ chức danh	Số đường truyền đang có	Hạng độ ổn định (1. Có 2. Không)				
1	TYT xã Tân Tiến	15	6	15	9	5	5	0	0	1	1	3	2	3	1	2	200000			
2	TYT xã Quỳnh An	23	11	23	12	4	8	4	0	2	2	0	5	1	1	1	195000	270.000	4	5
3	TYT Xã Kiến Xương	33	14	33	19	11	11	0	0	2	2	0	5	5	1	2	200000		3	5
4	TYT phườngTrần Hưng Đạo	45	15	45	30	6	15	9	1	3	2	1	2	5	1	2	820.000	1.000.000	6	5
5	TYT xã Hoàng Hoa Thám	42	10	42	32	7	14	7	0	3	3	0	5	5	1	2	0	195.000	0	5
6	TYT xã Vũ Thư	46	14	46	32	7	15	8	1	3	2	6	2	3	1	2	200000	700.000	2	5
7	TYT xã Tổng Trần	20	5	20	15	4	7	3	0	1	1	0	2	3	1	2	230.000			
8	TYT phường Vũ Phúc	41	11	41	30	7	14	7	1	3	2			1	1	2		270.000	2	5
9	TYT xã Mỹ Sở	28	5	25	20	5	9	4	0	2	2	0	3	1	2	2	180000	800.000	2	5
10	TYT xã Lương Bằng	38	3	38	35	3	13	10	0	3	3	1	1	1	1	2	140.000	800.000	1	5
11	TYT xã Lê Lợi	21	10	21	11	5	7	2	0	1	1	4	0	4	1	1	400000	1.600.000		
12	TYT xã Đức Hợp	31	5	31	26	4	10	6	0	2	2	0	5	4	1	2	160000	580.000	0	5
13	TYT xã Đông Tiên Hưng	28	11	28	17	11	9	0	0	2	2	4	2	1	1	2	165.000	580.000	2	3
14	TYT xã Phụ Dực	22	10	22	12	5	7	2	0	1	1	2	3	5	1	2	200.000	500.000	1	4
15	TYT xã Nam Tiên Hải	20	6	20	14	4	7	3	0	1	1	3		2	1	2	195000	800.000	0	5
16	TYT xã Triệu Việt Vương	45	13	45	32	7	15	8	0	3	3	0	3	1	1	4	200000	800.000	1	5
17	TYT xã Nghĩa Trụ	26	2	26	24	2	9	7	0	2	2	0	3	1	1	2	200000	800.000	2	5
18	TYT xã Đông Hưng	45		0	30	9	15	6		3	3		1	1	1	2	500.000	1.000.000	2	5
19	TYT xã Nam Thụy Anh	18	9	18	9	6	6	0	0	1	1	1	3	1	1	2	185000	500.000	3	3
20	TYT xã Vũ Tiên	27	11	27	16	3	9	6	0	2	2	1	2	1	1	2	200000			
21	TYT xã Nguyễn Du	23	9	23	14	8	8	0	1	2	1	3		3	1	2	200000	580.000	3	3
22	TYT xã Bắc Thái Ninh	18	12	18	6	6	6	0	0	1	1	1	1	2	1	2	200000			
23	TYT Xã Vạn Xuân	26	9	26	17	9	9	0	0	2	2	4	0	4	4	2	200000	580.000	4	4

TT	Thông tin chung của xã, phường	Tổng số lượng biên chế hiện có tại TYT xã, phường (bao gồm tất cả các chức danh)	Công nghệ thông tin tại trạm chính														Giá cước gói Internet		Thiết bị phân chia mạng Lan, Wifi (Switch)	
	Tên TYT xã/phường/ đặc khu		Máy tính (Máy tính để bàn HOẶC máy tính xách tay HOẶC máy tính bảng)			Máy in			Máy Scan			Máy quét QRCode (Máy quét mã vạch/quét CCCD, /Thẻ BHYT)		Đường truyền Internet			Giá cước gói Internet (VNĐ/t hàng) hiện có tại đơn vị (giá gói cước hàng tháng, VNĐ)	Đề xuất gói cước sử dụng hàng tháng (VNĐ)	Số hiện có	Số đề xuất
			Số máy đa dạng sử dụng	Số máy theo dõi còn thiếu với DM 01 máy/ chú ý/ cần đề xuất	Số máy theo dõi còn thiếu với DM 01 máy/ chú ý/ cần đề xuất	Số máy đa dạng sử dụng	Số máy theo dõi còn thiếu với DM 01 máy/ chú ý/ cần đề xuất	Số máy theo dõi còn thiếu với DM 01 máy/ chú ý/ cần đề xuất	Số máy đa dạng sử dụng	Số máy theo dõi còn thiếu với DM 01 máy/ chú ý/ cần đề xuất	Số máy theo dõi còn thiếu với DM 01 máy/ chú ý/ cần đề xuất	Số máy đa dạng sử dụng	Số máy theo dõi còn thiếu với DM 01 máy/ chú ý/ cần đề xuất	Số máy theo dõi còn thiếu với DM 01 máy/ chú ý/ cần đề xuất	Số máy đa dạng sử dụng	Số máy theo dõi còn thiếu với DM 01 máy/ chú ý/ cần đề xuất				
24	TYT xã Thụ Trì	28	7	28	21	6	9	3	0	2	2	2	1	3	1	2	200000	800.000	3	3
25	TYT xã Thụ Vũ	27	7	27	20	3	9	6	0	2	2	4	2	4	1	2	200000	580.000	4	2
26	TYT xã Văn Giang	35	10	35	25	10	12	2	2	2	0	0	3	3	1	2	200000	700.000	2	3
27	TYT xã Đồng Bàng	21	7	21	14	2	7	5	0	1	1	4	4	4	1	2	200000	500.000	4	4
28	TYT xã Bắc Đông Quan	20	5	20	15	3	7	4	0	1	1	1	1	1	1	2	200000	500.000		
29	TYT xã Bắc Đông Hưng	19	8	19	11	6	6	0	0	1	1	3	3	3	1	2	200000	1.000.000	3	3
30	TYT xã Việt Tiến	41	5	41	36	5	14	9	1	3	2	0	5	3	1	2	185000	1.000.000	4	10
31	TYT xã Đoàn Đào	26	5	26	21	4	9	5	0	2	2	3	2	1	1	1	200000	580.000	1	5
32	TYT xã Quỳnh Phụ	37	11	37	26	8	12	4	1	2	1	1	3	1	1	2	500000	580.000		
33	TYT xã Quang Hưng	31	9	31	22	5	10	5	0	2	2	0	3	1	2	2	200000	800.000	1	5
34	TYT xã Ân Thi	29	4	29	25	2	10	8	0	2	2	0	4	1	1	2	230000	500.000	0	5
35	TYT xã Đồng Châu	26	6	6	23	4	9	5	0	2	2	0	3	2	1	2	432000	500.000		
36	TYT phường Trần Lâm	43	15	43	28	12	14	2	0	3	3	4	6	6	1	2	200000	500.000		
37	TYT phường Thượng Hồng	37	7	37	30	5	12	7	0	2	2	0	5	1	1	2	180.000	1.000.000		
38	TYT xã Diên Hà	29	5	29	24	4	10	6	0	2	2	1	5	1	1	1	200000	310.000	2	5
39	TYT xã Thái Thụy	46	4	15	11	4	15	11	0	3	3	0	3	5	5	3	300000	1.000.000	1	4
40	TYT xã Nghĩa Dân	29	4	15	11	3	10	7	0	2		1	3	1	1	1,2	238.000	580.000	1	3
41	TYT phường Hồng Châu	36	7	36	29	7	12	5	0	2	2	0	5	1	2	2	200000	580.000	1	5
42	TYT xã Chí Minh	37	8	37	29	5	12	7	0	2	2	0	3	1	1	1	180000	500.000		
43	TYT xã Thái Ninh	31	3	31	28	1	10	9	0	2	2	1	3	1	1	3	200000	500.000		
44	TYT Nam Thái Ninh	18	3	18	15	2	6	4	0	1	1	0	3	3	3	3	200000	1.000.000	3	3
45	TYT xã Trà Giang	17	8	17	9	4	6	2	0	1	1	0	3	3	3	2	250000	700.000	3	5
46	TYT xã A Sào	18	8	18	10	5	6	1	0	1	1	2	3	5	1	1.2	200000	1.000.000	5	5
47	TYT xã Tiên Lữ	33	2	33	31	2	11	9	0	2	2	0	2	1	2	1,2	250.000	1.000.000	1	6
48	TYT xã Nguyễn Văn Linh	31	5	31	26	4	10	6	0	2	2	0	2	1	1	1,2	225.000	1.000.000	1	5
49	TYT phường Đường Hào	40	4		-4	6	13	7	0	3	3	0	3	1	1	2	1.105.000	1.105.000		
50	TYT xã Tiên	31	8	31	23	8	10	2	0	2	2	0	3	4	4	2	200000	1.000.000	4	6

TT	Thông tin chung của xã, phường	Tổng số lượng biên chế hiện có tại TYT xã, phường (bao gồm tất cả các chức danh)	Công nghệ thông tin tại trạm chính															Giá cước gói Internet		Thiết bị phân chia mạng Lan, Wifi (Switch)	
	Tên TYT xã/phường/ đặc khu		Máy tính (Máy tính để bàn HOẶC máy tính xách tay HOẶC máy tính bảng)			Máy in			Máy Scan			Máy quét QRCode (Máy quét mã vạch/quét CCCD, /Thẻ BHYT)		Đường truyền Internet			Giá cước gói Internet (VNĐ/t hàng) hiện có tại đơn vị (giá gói cước hàng tháng, VNĐ)	Đề xuất gói cước sử dụng hàng tháng (VNĐ)	Số hiện có	Số đề xuất	
			Số máy đa dạng sử dụng	Số máy theo dõi còn thiếu với TC DM 01 máy/ý/ chữ c danh	Số máy theo dõi còn thiếu với TC DM 01 máy/ý/ chữ c danh	Số máy đa dạng sử dụng	Số máy theo dõi còn thiếu với TC DM 01 máy/ý/ chữ c danh	Số máy theo dõi còn thiếu với TC DM 01 máy/ý/ chữ c danh	Số máy đa dạng sử dụng	Số máy theo dõi còn thiếu với TC DM 01 máy/ý/ chữ c danh	Số máy theo dõi còn thiếu với TC DM 01 máy/ý/ chữ c danh	Số máy đa dạng sử dụng	Số máy theo dõi còn thiếu với TC DM 01 máy/ý/ chữ c danh	Số máy đa dạng sử dụng	Hạng độ phân giải (1. Có 2. Không)	Đề xuất: ghi là (Tăng số lượng) ghi 2 là (Tăng bản đồ)					
	Hoa																				
51	TYT xã Vũ Quý	31	9	31	22	7	10	3	1	2	1	1	3	1	1	1	200000	750.000	2	6	
52	TYT xã Nam Cường	28	8	28	20	5	9	4	0	2	2	3	0	1	1	2	195000	750.000			
53	TYT xã Nam Tiên Hưng	21	13	21	8	5	7	2	0	1	1	4	0	1	1	1	260000	750.000	2	5	
54	TYT xã Tiên Hưng	24	8	24	16	5	8	3	0	2	2	4	0	1	1	1	260000	500.000	2	5	
55	TYT xã Lạc Đạo	31	6	31	25	3	10	7	0	2	2	0	3	1	1	2	200000	500.000	2	5	
56	TYT xã Đông Thái Ninh	27	7	27	20	4	9	5	0	2	2	1	2	1	1	2	200000	500.000			
57	TYT xã Bình Nguyên	18	9	18	9	5	6	1	0	1	1	2	0	2	1	1	275000	500.000	1	5	
58	TYT xã Việt Yên	38	11	38	27	7	13	6	0	3	3	0	3	1	1	2	200000	1.000.000	2	5	
59	TYT xã Khoái Châu	49	8	49	41	6	16	10		3	3		3	5	1	2	225.000	500.000	0	5	
60	TYT xã Tây Tiên Hải	21	10	21	11	5	7	2	0	1	1	0	2	1	2	1	248000	500.000	2	2	
61	TYT xã Bắc Thụy Anh	20	3	20	17	2	7	5	0	1	1	0	3	1	2	1	200000	500.000			
62	TYT xã Hưng Hà	44	3	44	41	3	15	12	0	3	3	0	3	1	1	1	260.000	610.000	0	15	
63	TYT xã Bình Định	18	6	18	12	7	6	0	0	1	1	3		1	1	1	250000	1.000.000	6	12	
64	TYT xã Ngự Thiên	26	6	26	20	4	9	5	0	2	2	4	4	4	1	2	200000	500.000	4	10	
65	TYT xã Long Hưng	32	8	32	24	5	11	6	0	2	2	5	5	5	1	2	200.000	500.000	5	5	
66	TYT xã Hoàn Long	29	3	29	26	2	10	8	0	2	2	2	3	1	1	1	165.000	500.000	2	5	
67	TYT xã Đại Đồng	24	6	24	18	2	8	6	0	2	2	0	2	1	2	2	187.000	500.000	1	5	
68	TYT xã Như Quỳnh	45	11	45	34	5	15	10	0	3	3	0	5	1	1	2	290000	1.000.000	6	15	
69	TYT xã Hưng Phú	24	6	24	18	3	8	5	0	2	2	1	4	2	1	2	200000	500.000	2	5	
70	TYT xã Tây Thái Ninh	18	6	18	12	5	6	1	0	1	1	0	1	1	2	1	200000	500.000	1	5	
71	TYT xã Bắc Tiên Hưng	26	12	26	14	6	9	3	0	2	2	3	0	1	1	1	240000	500.000	1	6	
72	TYT xã Tiên Tiến	32	4	32	28	4	11	7	0	2	2	0	2	4	1	1	200000	500.000			
73	TYT xã Tiên Hải	45	11	45	34	4	15	11		3	3	0	4	5	1		222000	500.000	5	10	
74	TYT xã Thần Khê	23	5	23	18	5	8	3	0	2	2	3	2	1	1	2	240000	500.000	0	2	
75	TYT PHƯỜNG THÁI BÌNH	43	14	43	29	7	14	7	0	3	3	1	6	1	2	2	200000	1.000.000	0	7	

TT	Thông tin chung của xã, phường	Tổng số lượng biên chế hiện có tại TYT xã, phường (bao gồm tất cả các chức danh)	Công nghệ thông tin tại trạm chính															Giá cước gói Internet		Thiết bị phân chia mạng Lan, Wifi (Switch)	
	Tên TYT xã/phường/đặc khu		Máy tính (Máy tính để bàn HOẶC máy tính xách tay HOẶC máy tính bảng)			Máy in			Máy Scan			Máy quét QRCode (Máy quét mã vạch/quét thẻ CCCD, /Thẻ BHYT)		Đường truyền Internet			Giá cước gói Internet (VNĐ/t hàng) hiện có tại đơn vị (giá gói cước hàng tháng, VNĐ)	Đề xuất gói cước sử dụng hàng tháng (VNĐ)	Số hiện có	Số đề xuất	
			Số máy đa dạng sử dụng	Số máy theo dõi còn thiếu với TCĐM 01 máy y/cần đề xuất	Số máy theo dõi còn thiếu với TCĐM 01 máy y/cần đề xuất	Số máy đa dạng sử dụng	Số máy theo dõi còn thiếu với TCĐM 01 máy y/cần đề xuất	Số máy theo dõi còn thiếu với TCĐM 01 máy y/cần đề xuất	Số máy đa dạng sử dụng	Số máy theo dõi còn thiếu với TCĐM 01 máy y/cần đề xuất	Số máy theo dõi còn thiếu với TCĐM 01 máy y/cần đề xuất	Số máy đa dạng sử dụng	Số máy theo dõi còn thiếu với TCĐM 01 máy y/cần đề xuất	Số máy theo dõi còn thiếu với TCĐM 01 máy y/cần đề xuất	Số máy đa dạng sử dụng	Hạng độ phân giải (lưu ý: Có 2. Kh ông)					Đề xuất: ghi là (Tỷ lệ số lượng ghi 2 là (Tỷ lệ ngân sách)
76	TYT Phường Phố Hiến	41	7	41	34	6	14	8	0	3	3	0	3	1	2	2	568000	1.320.000	2	4	
77	TYT xã Quang Lịch	20	16	20	4	12	7	0	1	1	0	2	1	3	1	1					
78	TYT xã Thụy Anh	19	5	19	14	3	6	3	0	1	1	3	1	3	1	2	200000	500.000	3	8	
79	TYT xã Xuân Trúc	23	7	23	16	5	8	3	0	2	2	0	0	2	1	2	200000	500.000			
80	TYT xã Nam Đông Hưng	23	7	23	16	5	8	3	0	2	2	4	3	4	1	1	200000	1.000.000	2	8	
81	TYT xã Ngọc Lâm	20	13	20	7	11	7	0	0	1	1	3	1	3	1		200000	300.000	4	2	
82	TYT xã Hồng Vũ	21	7	21	14	5	7	2		1	1	4	0	1	1	1	200000	1.000.000	3	2	
83	TYT xã Lê Quý Đôn	22	6	22	16	3	7	4	1	1	0	1	3	3	1	2	300000	1.000.000			
84	TYT xã Tây Thụy Anh	18	8	18	10	7	6	0	0	1	1	3	0	1	1	1	200000	1.000.000	4	4	
85	TYT phường Mỹ Hào	31	4	31	27	3	10	7	0	2	2	0	3	1	1	2	200000	1.500.000	2	10	
86	TYT phường Trà Lý	42	12	42	30	3	14	11	1	3	2	0	2	1	0	1	290000	1.500.000			
87	TYT xã Hồng Minh	25	5	25	20	4	8	4	0	2	2	1	5	1	1	2	200000	500.000	0	3	
88	TYT xã Phụng Công	20	3	20	17	1	7	6	0	1	1	0	3	1	1	1	165000	800.000	2	8	
89	TYT xã Nguyễn Trãi	38	3	38	0	2	13	11	0	3	3	2	3	1	1	2	195.000	580.000	1	5	
90	TYT xã Đông Thụy Anh	30	5	30	25	3	10	7	0	2	2	1	3	4	2	2	230.000	500.000	4	10	
91	TYT xã Bình Thanh	19	8	19	11	3	6	3	0	1	1	3	0	3	1	2	495000	1.500.000	3	6	
92	TYT xã Tân Hưng	32	5	32	27	5	11	6	0	2	2	0	1	1	1	1	291000	750.000	2	5	
93	TYT Phường Sơn Nam	35	6	35	29	5	12	7	0	2	2	0		1	1	2	180000	800.000	1	10	
94	TYT xã Tân Thuận	28	13	5	8	12	9	0	1	2	1	0	6	3	1	2	195.000	800.000	2	10	
95	TYT xã Yên Mỹ	50	10	50	40	10	17	7	0	3	3	0	10	6	1	2	185.000	800.000	4	12	
96	TYT xã Minh Thọ	25	10	25	15	8	8	0	0	2	2	4	4	4	1	2	545000	800.000			
97	TYT xã Tiên La	22	5	22	17	5	7	2	0	1	1	3	3	3	3	2	250000	300.000	3	6	
98	TYT xã Đông Tiễn Hải	21	8	21	13	8	7	0	0	1	1	4	0	4	4	2	222.000	888.000			
99	TYT xã Phạm Ngũ Lão	30	4	30	26	3	10	7	0	2	2	0	5	1	1	2	165,000	300.000	1	5	
100	TYT xã Hồng Quang	37	4	15	11	3	12	9	0	2	2		1	1	1	2	165,000	300.000	0	5	
101	TYT xã Hiệp Cường	33	5	15	30	4	11	7	0	2	2	1	3	1	1	2	200000	350.000	0	5	

TT	Thông tin chung của xã, phường	Tổng số lượng biên chế hiện có tại TYT xã, phường (bao gồm tất cả các chức danh)	Công nghệ thông tin tại trạm chính															Giá cước gói Internet		Thiết bị phân chia mạng Lan, Wifi (Switch)	
	Tên TYT xã/phường/đặc khu		Máy tính (Máy tính để bàn HOẶC máy tính xách tay HOẶC máy tính bảng)			Máy in			Máy Scan			Máy quét QRCode (Máy quét mã vạch/quét thẻ CCCD, /Thẻ BHYT)		Đường truyền Internet			Giá cước gói Internet (VNĐ/t hàng) hiện có tại đơn vị (giá gói cước hàng tháng, VNĐ)	Đề xuất gói cước sử dụng hàng tháng (VNĐ)	Số hiện có	Số đề xuất	
			Số máy đa năng dự	Số máy the o TC ĐM 01 máy y/ chức danh	Số máy y còn thiếu u so với TC ĐM , cần đề xuất	Số máy in đa năng dự	Số máy y the o TC ĐM 01 máy y/ 03 chức danh	Số máy y còn thiếu u so với TC ĐM , cần đề xuất	Số máy đa năng dự	Số máy y the o TC ĐM 01 máy y/ 15 chức danh	Số máy y còn thiếu u so với TC ĐM , cần đề xuất	Số máy đa năng dự	Số máy y the o TC ĐM 01 máy y/ chức danh	Số đường truyền đa năng có	Hạng độ g ổn định h (1. Có ông)	Đề xuất: ghi 1 là (Tỷ số lượt ghi 2 là tỷ lệ bỏ ng thô ng)					
102	TYT xã Đông Quan	19	3	0	16	3	6	3	0	1	1	1	1	1	1	1	260,000	350.000	0	1	
103	TYT xã Ái Quốc	22	6	22	16	5	7	2	1	1	0	4	0	1	1		200.000	350.000	2	1	
104	TYT xã Châu Ninh	36	5	36	31	4	12	8	1	2	1	0	3	1	1	2	250.000	1.500.000	2	5	

PHỤ LỤC II

DIỄN GIẢI HOẠT ĐỘNG THỰC HIỆN NHÓM GIẢI PHÁP CHUYỂN ĐỔI SỐ TẠI TYT XÃ, PHƯỜNG

Nhóm II - Hạ tầng phần cứng: Định hướng 02 mô hình cơ bản

Mô hình A (Điện toán đám mây): Ưu tiên áp dụng cho các TYT không có nhân lực CNTT chuyên trách - chỉ cần máy trạm và đường truyền tốc độ cao. Toàn bộ dữ liệu và phần mềm được đặt tại trung tâm từ xa, giảm gánh nặng quản trị hạ tầng tại TYT.

Mô hình B (Hạ tầng tại chỗ kết hợp đám mây): Áp dụng khi TYT có nhân lực CNTT và quy mô lớn. Hạ tầng cục bộ được trang bị tại TYT kết hợp đồng bộ dữ liệu lên đám mây tới. Cần có thẩm quyền kỹ thuật để bảo trì và vận hành.

STT	Giải pháp	Hình thức triển khai
I	Giải pháp về tổ chức bộ máy, tuyển dụng, đào tạo	
1	Đào tạo, triển khai kiến thức cho cán bộ lãnh đạo UBND xã, phường và Lãnh đạo TYT xã, phường về việc kiện toàn, bổ sung chức năng nhiệm vụ cho nhân sự phụ trách quản lý, vận hành CDS tại TYT	Tổ chức hội nghị triển khai
2	Đào tạo kỹ năng quản lý trên môi trường số, sử dụng chữ ký số và năng lực phân tích dữ liệu y tế phục vụ điều hành cho lãnh đạo TYT	Tổ chức khoá đào tạo cấp chứng chỉ
3	Tập huấn chuyên sâu về quản trị phần mềm V20, quản lý SSKĐT, kỹ năng bảo mật dữ liệu và làm sạch dữ liệu dân cư theo Đề án 06 cho cán bộ vận hành	
II	Giải pháp đầu tư về hạ tầng phần mềm, phần cứng	
1	Phần cứng: Trang bị đồng bộ máy tính, máy in, máy quét QR/Căn cước công dân, thiết bị phục vụ khám chữa bệnh từ xa (Telehealth) và đường truyền cáp quang tốc độ cao.	Mua sắm
2	Phần mềm: Triển khai nền tảng quản lý tổng thể TYT xã, phường (đáp ứng chuẩn V20), tích hợp phần mềm quản lý nhân lực, quản lý bệnh không lây nhiễm, phần mềm quản lý dược/vật tư và ứng dụng đặt lịch khám online.	Mua sắm/Thuê
III	Giải pháp về cơ chế, chính sách và quản lý	
1	Xây dựng quy trình vận hành và quy chế sử dụng dữ liệu.	Thuê đơn vị xây dựng
2	Ban hành quy chế khai thác và bảo mật thông tin y tế tại TYT; quy trình phối hợp với Tổ công nghệ số cộng đồng để hỗ trợ người dân cài đặt ứng dụng sức khỏe điện tử.	Tổ chức các hội nghị, cuộc họp giữa Sở Y tế, Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh, UBND xã, phường
3	Tham mưu cơ chế chính sách đãi ngộ đối với cán bộ được giao nhiệm vụ quản lý, triển khai hoạt động CDS tại TYT xã, phường	Tổ chức các hội nghị, cuộc họp Sở Y tế, Sở Nội vụ, Sở Khoa học, Công an tỉnh, UBND xã, phường
IV	Giải pháp tận dụng nguồn lực để nâng cao chất lượng hoạt động	
1	Triển khai y tế từ xa (Telehealth) để kết nối với các bác sĩ	Tổ chức các lớp đào tạo,

STT	Giải pháp	Hình thức triển khai
	chuyên khoa tuyến tỉnh	tập huấn về y tế từ xa (Telehealth) để kết nối với các bác sĩ chuyên khoa tuyến tỉnh
2	Kết hợp bộ máy, nhân lực và hạ tầng đã đầu tư để cải thiện dịch vụ y tế thông qua việc triển khai các hoạt động y tế từ xa, đổi mới quy trình khám chữa bệnh khi áp dụng CDS rút ngắn thời gian chờ đợi của người dân tới khám chữa bệnh tại TYT.	Tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn, truyền thông, ấn phẩm truyền thông thay đổi kiến thức, thái độ, thực hành của cán bộ y tế, cán bộ UBND cấp xã, nhân dân
3	Ứng dụng phân tích dữ liệu lớn để dự báo dịch bệnh và quản lý sức khỏe cộng đồng "đúng, đủ, sạch, sống".	Triển khai Trung tâm quản lý, điều hành, theo dõi tình hình dịch bệnh tại Sở Y tế (Trung tâm Kiểm soát bệnh tật) sau khi dữ liệu được kiểm soát sẽ đồng bộ đồng thời tới UBND cấp xã và TYT xã, phường
4	Từng bước tiến tới việc thanh toán không dùng tiền mặt.	Tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn, truyền thông, ấn phẩm truyền thông thay đổi kiến thức, thái độ, thực hành của cán bộ y tế, cán bộ UBND cấp xã và nhân dân trên địa bàn
VI	Giải pháp về cơ chế phối hợp trong ngành và liên ngành	
1	Trong ngành y tế: Phối hợp chặt chẽ với các phòng chuyên môn của Sở Y tế và các bệnh viện tuyến tỉnh để liên thông dữ liệu SSKĐT, dữ liệu khám chữa bệnh (cảnh báo và phòng ngừa trực lợi BHYT), khám chữa bệnh từ xa và chuyển tuyến.	Tổ chức các hội nghị, cuộc họp giữa Sở Y tế, Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh, BHXH tỉnh, UBND xã, phường và các Bệnh viện khu vực, các bệnh viện tuyến tỉnh
2	Liên ngành: Phối hợp với Công an xã, phường và Công an tỉnh thực hiện đối soát dữ liệu dân cư (Đề án 06).	Tổ chức các hội nghị, cuộc họp giữa Sở Y tế, Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh, BHXH tỉnh, UBND xã, phường và TYT xã, phường
3	Phối hợp với UBND xã, phường và các đoàn thể thuộc	Tổ chức các hội nghị,

STT	Giải pháp	Hình thức triển khai
	Mặt trận tổ quốc cấp xã (Thanh niên, Phụ nữ) trong việc tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng ứng dụng y tế số.	cuộc họp, nói chuyện chuyên đề giữa Sở Y tế, Sở Khoa học, Công an tỉnh, BHXH tỉnh, UBND xã, phường và TYT xã, phường
4	Phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông (Viettel, VNPT...) để duy trì và cập nhật công nghệ.	Theo các Biên bản ghi nhớ hợp tác đã ký kết và các hợp đồng kinh tế không có ràng buộc về mặt pháp lý độc quyền cung cấp sản phẩm
5	Liên ngành phối hợp kiểm tra giám sát	Các hội nghị chuyên đề, các cuộc kiểm tra giám sát thường xuyên, đột xuất giữa liên ngành Y tế - Khoa học công nghệ - Tài chính – Công an – Bảo hiểm xã hội

Phân tách nguồn kinh phí theo loại hàng mục:

- Danh mục A (dùng kinh phí CDS): máy quét QR/CCCD, chữ ký số, thiết bị Telehealth, phần mềm V20/EHR, đường truyền cáp quang tốc độ cao, các phần mềm chuyên ngành phục vụ trực tiếp CDS.

- Danh mục B (kinh phí thường xuyên theo định mức): máy tính văn phòng thông thường, máy in thông thường không phục vụ trực tiếp CDS. Không sử dụng kinh phí CDS để mua sắm trang thiết bị văn phòng thông thường theo tiêu chuẩn định mức.

PHỤ LỤC III
DỰ TOÁN KINH PHÍ CHUYỂN ĐỔI SỐ CHO TYT XÃ, PHƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HƯNG YÊN

Stt	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền chưa VAT	VAT	Thành tiền đã gồm VAT	Ghi chú	Dự kiến nguồn vốn	NS tính gồm	Dự kiến NS tính phân bổ mỗi xã
	Giai đoạn I										
1	Đường truyền Internet	Đường truyền			1.279.200.000	127.920.000	1.407.120.000				
1.1.	Cước đường truyền Internet (có Ip tĩnh)	Đường truyền	104	12.000.000	1.248.000.000	124.800.000	1.372.800.000	Triển khai 12 tháng (cước phí 1.000.000/t hàng/đường truyền)	Nguồn chi không thường xuyên; UBND xã, phường chủ trì		
1.2.	Chi phí lắp đặt đường internet	Đường truyền	104	300.000	31.200.000	3.120.000	34.320.000	Chi trả 01 lần	Nguồn chi không thường xuyên; UBND xã, phường chủ trì		
2	Chi phí phần mềm				7.280.000.000	582.400.000	7.862.400.000				
2.1	Phần mềm Y tế cơ sở V20	Gói	104	60.000.000	6.240.000.000	499.200.000	6.739.200.000	Triển khai 12 tháng (cước phí 5.000.000/t hàng/tài khoản)	NS tính từ nguồn chuyển đổi số, UBND xã, phường chủ trì	6.739.200.000	64.800.000
2.2	Hệ thống dữ liệu SSKĐT	Gói	104	-	-	-	-	Chờ hướng dẫn của các cấp có	Nguồn chi không thường		-

								thẩm quyền	xuyên; UBND xã, phường chủ trì		
2.3	Thuê Phần mềm kết nối hội nghị truyền hình khám chữa bệnh từ xa (theo CV số 7946/BYT-KCB ngày 12/12/2023 của BYT)	Gói	104	10.000.000	1.040.000.000	83.200.000	1.123.200.000	Gói 12 tháng	Nguồn chi không thường xuyên; UBND xã, phường chủ trì		-
2.4	Kho dữ liệu Y tế	PMNB	-	-	-	-	-	Phần mềm nội bộ			-
3	Chi phí thiết bị				38.184.000.000	3.054.720.000	41.238.720.000				-
3.1	Hệ thống LAN: Thiết bị switch + Dây mạng Lan + nhân công phát sinh	Gói	104	20.000.000	2.080.000.000	166.400.000	2.246.400.000		NS tính từ nguồn chuyển đổi số, UBND xã, phường chủ trì	2.246.400.000	21.600.000
3.2	Máy tính để bàn phục vụ nhập dữ liệu hồ sơ bệnh án....	Bộ	312	20.000.000	6.240.000.000	499.200.000	6.739.200.000	2105 máy theo đề xuất TYT, (dự kiến đầu tư mỗi trạm 03 chiếc)	NS tính từ nguồn chuyển đổi số, UBND xã, phường chủ trì	6.739.200.000	64.800.000
3.3	Máy tính để bàn dùng cho kết nối LIS, PACS (máy chuyên dụng)	Bộ	208	28.000.000	5.824.000.000	465.920.000	6.289.920.000	Mua sắm: mỗi TYT 02 chiếc	NS tính từ nguồn chuyển đổi số, UBND xã, phường	6.289.920.000	60.480.000

									chủ trì		
3.4	Máy in để phục vụ in hồ sơ bệnh án....	Chiếc	312	13.000.000	4.056.000.000	324.480.000	4.380.480.000	495 máy theo đề xuất TYT, (dự kiến đầu tư mỗi trạm 03 chiếc)	NS tỉnh từ nguồn chuyển đổi số, UBND xã, phường chủ trì	4.380.480.000	42.120.000
3.5	Máy Scan	Chiếc	104	22.000.000	2.288.000.000	183.040.000	2.471.040.000	115 máy theo đề xuất TYT, (dự kiến đầu tư mỗi trạm 01 chiếc)	NS tỉnh từ nguồn chuyển đổi số, UBND xã, phường chủ trì	2.471.040.000	23.760.000
3.6	Máy quét QRCODE	Chiếc	158	8.000.000	1.264.000.000	101.120.000	1.365.120.000	Mua sắm: 158 máy theo đề xuất TYT	NS tỉnh từ nguồn chuyển đổi số, UBND xã, phường chủ trì	1.365.120.000	13.126.154
3.7	Máy quét vân tay	Chiếc	208	3.000.000	624.000.000	49.920.000	673.920.000	Mua sắm: mỗi TYT 02 chiếc	Nguồn chi không thường xuyên; UBND xã, phường chủ trì		-

3.8	Đầu tư hạ tầng thiết bị triển khai y tế từ xa (Telehealth) theo TT 49/2017/TT-BYT ngày 28/12/2017 của BYT và CV số 7946/BYT-KCB ngày 12/12/2023 của BYT)	Gói	104	152.000.000	15.808.000.000	1.264.640.000	17.072.640.000	Mua sắm: Màn hình TV, camera, mic, ...	NS tính từ nguồn chuyển đổi số, UBND xã, phường chủ trì	17.072.640.000	164.160.000
4	Đào tạo Dự kiến cho đối tượng trực tiếp thực hiện nhiệm vụ công nghệ thông tin, mỗi trạm dự kiến 02 người x 104 trạm = 208 người, chia làm 4 lớp mỗi lớp 52 người, thời gian 3 ngày/ 1 lớp	Lớp	4	80.960.000	323.840.000	25.907.200	349.747.200	Chi phí được tính theo các Thông tư quy định hiện hành	NS tính từ nguồn chuyển đổi số, Sở Y tế chủ trì	349.747.200	
	Tổng chi phí năm đầu tiên (Chưa bao gồm chi phí quản lý dự án, Chi phí tư vấn, chi phí khác liên quan)				47.067.040.000	3.790.947.200	50.857.987.200			47.653.747.200	454.846.154

Giai đoạn II									
Stt	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền chưa VAT	VAT	Thành tiền đã gồm VAT	Ghi chú	
1	Đường truyền Internet	Đường truyền	104	12.000.000	1.248.000.000	124.800.000	1.372.800.000	Triển khai 12 tháng (cước phí 1.000.000/tháng/đường truyền)	Nguồn chi không thường xuyên hằng năm, UBND xã, phường chủ trì
2	Chi phí phần mềm				7.280.000.000	582.400.000	7.862.400.000		
2.1	Phần mềm Y tế cơ sở V20	Gói	104	60.000.000	6.240.000.000	499.200.000	6.739.200.000	Triển khai 12 tháng (cước phí 5.000.000/tháng/tài)	Nguồn chi không thường xuyên hằng năm, UBND xã, phường chủ trì

								khoản)	
2.2	Hệ thống dữ liệu SSKĐT	Gói	104	-	-	-	-		
2.3	Thuê Phần mềm kết nối hội nghị truyền hình khám chữa bệnh từ xa (theo CV số 7946/BYT-KCB ngày 12/12/2023 của BYT)	Gói	104	10.000.000	1.040.000.000	83.200.000	1.123.200.000	Triển khai Gói 12 tháng	Nguồn chi không thường xuyên hằng năm, UBND xã, phường chủ trì
2.4	Kho dữ liệu Y tế	PMNB	-	-	-	-	-	Triển khai năm thứ 2	
3	Bảo trì thiết bị: máy tính, máy in, mạng Lan, ...	Gói	104	20.000.000	2.080.000.000	166.400.000	2.246.400.000	Kiểm tra định kỳ, sửa chữa, thay thế linh kiện	Nguồn chi không thường xuyên hằng năm, UBND xã, phường chủ trì
	Tổng chi phí từ năm thứ 2 (Chưa bao gồm chi phí quản lý dự án, Chi phí tư vấn, chi phí khác liên quan)				10.608.000.000	873.600.000	11.481.600.000		
Stt	Nội dung	Chi phí	Số lượng	Thành tiền					
	Tổng chi phí năm đầu tiên	50.857.987.200	1	50.857.987.200					
	Tổng chi phí từ năm thứ 2	11.481.600.000	4	45.926.400.000					
	Tổng 5 năm			96.784.387.200					